

Số: 16 /BB-ĐHĐCĐTN-NSBG

Bắc Giang, ngày 21 tháng 4 năm 2021

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
VÀ NHIỆM KỲ 2021-2026**

Hôm nay, ngày 21 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường nhà văn hóa Liên đoàn lao động - Số 68, đường Lê Hồng Phong, phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang.

Giấy Chứng nhận ĐKDN số: 2400126106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/6/2005, thay đổi lần thứ 3, ngày 20/11/2015.

Trụ sở chính: Số 386 đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang tỉnh Bắc Giang.

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

I. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.

- Người báo cáo: Ông Lý Bá Mạnh - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông
- Nội dung báo cáo:

- Tổng số cổ đông mời tham dự : Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách chốt của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tại ngày 22/3/2021, sở hữu 100% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang.

- Cổ đông tham dự Đại hội: 237 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 18.091.246 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Theo luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, hiệu lực 01/01/2021 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

II. Giới thiệu Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội

Ông: Lê Ngọc Duyên - Chức vụ: Thành viên HĐQT

Đại hội thông qua: + Chương trình Đại hội

+ Quy chế làm việc của Đại hội.

III. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư Ký, Ban kiểm phiếu Đại hội

100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu gồm các thành viên sau:

1. Đoàn Chủ tịch:

Ông: Hường Xuân Công

Chủ tọa Đại hội - Chủ tịch HĐQT

Ông: Trần Đăng Điều

Thành viên HĐQT- Giám đốc

Ông: Lê Ngọc Duyên
Bà: Nguyễn Thị Phương Thảo

Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc
Thành viên HĐQT - TP Kế toán

2. Ban Thư ký:

- | | | |
|--------|---------------|------------|
| 1. Bà: | Cao Thị Quỳnh | Trưởng Ban |
| 2. Bà: | Phan Thị Hạnh | Thành viên |

3. Ban Kiểm phiếu:

- | | | |
|---------|-------------------|------------|
| 1. Ông: | Nguyễn Hồng Quang | Trưởng Ban |
| 2. Bà: | Thân Thị Hương | Thành viên |
| 3. Ông: | Trần Đức Thanh | Thành viên |
| 4. Ông: | Huỳnh Nam Hải | Thành viên |
| 5. Ông: | Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên |
| 6. Bà: | Hương Thùy Dương | Thành viên |
| 7. Ông: | Giáp Văn Tuấn | Thành viên |
| 8. Ông: | Nguyễn Việt Xô | Thành viên |
| 9. Ông: | Hương Nam | Thành viên |

PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020, phương hướng kế hoạch nhiệm kỳ 2021-2026.

Người trình bày: Ông Trần Đăng Điều

2. Báo cáo hoạt động của Ban giám đốc năm 2020, phương hướng kế hoạch năm 2021

Người trình bày: Ông Lê Ngọc Duyên

3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 và Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ chi trả cổ tức 2020, Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2021.

Người trình bày: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

4. Báo cáo hoạt động nhiệm kỳ 2016-2020 của Ban kiểm soát, phương hướng kế hoạch nhiệm kỳ 2021-2026; Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của BKS.

Người trình bày: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

5. Báo cáo thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020, kế hoạch chi trả năm 2021; Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021.

Người trình bày: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

6. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT.

Người trình bày: Ông Lê Ngọc Duyên

7. Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016-2020.

Người trình bày: Ông Hương Xuân Công

PHẦN III: THẢO LUẬN VÀ Ý KIẾN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

Đại hội nhất trí về nội dung các Báo cáo, Tờ trình được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông, không có ý kiến tham luận.

PHẦN IV: CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua các báo cáo hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát.

*** Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận 2021**

- Tổng doanh thu: 160 tỷ đồng
- Doanh thu nước:
 - Khu vực Bắc Giang: 155,160 tỷ đồng (bao gồm cả thuế)
 - Khu vực Lục Nam: 4,716 tỷ đồng (bao gồm cả thuế)
- Nước thương phẩm:
 - Khu vực Bắc Giang: 14,150 triệu m³
 - Khu vực Lục Nam 483 nghìn m³
- Thất thoát mạng:
 - Khu vực Bắc Giang: 13 %
 - Khu vực Lục Nam: 17 %

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 18.091.246 cổ phần, chiếm: 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 2: Thông qua Phê duyệt đầu tư Dự án “ Mở rộng cấp nước cho một số xã của các huyện Việt Yên và Tân Yên tỉnh Bắc Giang:

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp 59/2020/QH 14 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang.

Giá trị đầu tư của Dự án dự kiến là: 90 tỷ đồng, bằng 39,5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 17.998.546 cổ phần, chiếm: 99,49 % số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không có ý kiến: 92.700 cổ phần, chiếm: 0,51 % số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 3: Thông qua việc tiếp tục thực hiện việc mua buôn nước sạch với Công ty CP đầu tư hạ tầng nước DNP - Bắc Giang.

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang hiện vẫn đang thực hiện việc mua buôn nước sạch theo Hợp đồng số 14/2018/HĐMB/DNP-Bắc Giang ký ngày 29/10/2018.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 17.874.946 cổ phần, chiếm: 98,8% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không tán thành: 15.500 cổ phần, chiếm: 0,09% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không có ý kiến 200.800 cổ phần, chiếm: 1,11% số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán; Phân phối lợi nhuận năm 2020, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức; Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 2021.

*** Năm 2020:**

- Lợi nhuận sau thuế: 9,621 tỷ đồng
- Trích lập các quỹ: 1.924 tỷ đồng
- Cổ tức: 4,24% (424 đồng/1 cổ phiếu)

*** Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2021**

- Vốn điều lệ cuối năm: 181, 494 tỷ đồng
- Tổng doanh thu: 160 tỷ đồng
- Tổng chi phí: 148 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 12 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 9,6 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 dùng để phân phối (toàn bộ): 9,6 tỷ đồng
- Trích lập các quỹ từ LNST: 1,920 tỷ đồng
- Chia cổ tức: 7,680 tỷ đồng - Tỷ lệ cổ tức: 4,23 %

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 17.951.446 cổ phần, chiếm: 99,23% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không có ý kiến 139.800 cổ phần, chiếm: 0,77% số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 5: Thông qua Báo cáo chi trả thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020, kế hoạch chi trả năm 2021.

1. Quỹ thù lao đã thực hiện năm 2020:

- Thành viên HĐQT: 2,0 triệu đồng/ tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 1,2 triệu đồng/ tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 1,0 triệu đồng/ tháng
- Thư ký Công ty: 1,0 triệu đồng/ tháng

2. Quỹ thù lao kế hoạch năm 2021.

- Thành viên HĐQT: 3,0 triệu đồng/ tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 2,0 triệu đồng/ tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 1,5 triệu đồng/ tháng
- Thư ký Công ty: 1,5 triệu đồng/ tháng

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 17.864.446 cổ phần, chiếm: 98,75% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không tán thành: 22.000 cổ phần, chiếm: 0,12% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không có ý kiến 204.800 cổ phần, chiếm: 1,13% số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 6: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để đảm bảo tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 hiệu lực 01/01/2021; Thông tư 116/2020/TT-BTC về hướng dẫn xây dựng Điều lệ mẫu và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 18.026.846 cổ phần, chiếm: 99,64% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không có ý kiến 64.400 cổ phần, chiếm: 0,36 % số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 7: Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Để đảm bảo các hoạt động của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang phù hợp với Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Công ty; Luật chứng khoán và các quy định hiện hành. Đại hội cho biểu quyết về Dự thảo 02 quy chế để thông qua.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 18.063.146 cổ phần, chiếm: 99,84% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không có ý kiến 28.100 cổ phần, chiếm: 0,16% số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 8: Thông qua Quy chế hoạt động của BKS.

Căn cứ vào Điều lệ Công ty đã được sửa đổi, bổ sung. Tuân thủ đúng pháp luật, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát xây dựng áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về các công việc, quyết định của BKS.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 18.045.046 cổ phần, chiếm: 99,74% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không có ý kiến 46.200 cổ phần, chiếm: 0,26% số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 9: Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT; BKS nhiệm kỳ 2016-2020.

Theo quy định của luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, hoạt động của các thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016-2020 đã hết.

Phần biểu quyết:

- Tán thành: 18.009.946 cổ phần, chiếm: 99,55% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không có ý kiến 81.300 cổ phần, chiếm: 0,45% số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 10: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán của Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021.

Phần biểu quyết:

- Tán thành: 17.995.646 cổ phần, chiếm: 99,47% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm: 0% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không có ý kiến 95.600 cổ phần, chiếm: 0,53% số cổ phần có quyền biểu quyết

PHẦN V: BẦU THÀNH VIÊN HĐQT; BKS NHIỆM KỲ 2021-2026.

1. Bầu Hội Đồng quản trị

Căn cứ vào Điều 27 và Điều 28 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Đại hội đã tổ chức bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Kết quả:

Các ông, bà có tên sau đã trúng cử Hội đồng quản trị:

1. Ông: Hướng Xuân Công - được 18.978.146 phiếu
2. Ông: Trần Đăng Điều - được 18.030.896 phiếu
3. Bà: Nguyễn Thị Phương Thảo - được 17.938.996 phiếu
4. Ông: Lê Ngọc Duyên - được 17.841.896 phiếu
5. Ông: Ngô Thành Chung - được 17.654.696 phiếu

(Có biên bản kiểm phiếu bầu Hội đồng quản trị kèm theo).

9. Bầu Ban kiểm soát

Căn cứ vào Điều 38 và Điều 39 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Đại hội đã tổ chức bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Kết quả:

Các ông, bà có tên sau đã trúng cử Ban kiểm soát:

1. Bà: Nguyễn Thị Thanh Thủy - được 18.299.423 phiếu
2. Bà: Vũ Thị Thúy - được 18.203.323 phiếu
3. Bà: Nguyễn Hồng Oanh - được 17.758.890 phiếu

(Có biên bản kiểm phiếu bầu Ban kiểm soát kèm theo).

PHẦN VI: THÔNG QUA BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Người trình bày: Bà Cao Thị Quỳnh - đọc biên bản cuộc họp.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 với 100% cổ đông có mặt tán thành.

Biên bản được lập thành 02 bản và được lưu tại Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Đại hội kết thúc vào hồi: 11h 45p cùng ngày.

T/M BAN THƯ KÝ



Cao Thị Quỳnh

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Hương Xuân Công



Số: 17/NQ-ĐHĐCĐTN-NSBG

Bắc Giang, ngày 21 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
VÀ NHIỆM KỲ 2021-2026

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;

Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang;

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và Nhiệm kỳ 2021-2026.

QUYẾT NGHỊ

Ngày 21/4/2021, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được tổ chức với sự tham gia của 237 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 18.091.246 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung sau:

Điều 1: Thông qua các Báo cáo sau:

- Báo cáo hoạt động nhiệm kỳ của HĐQT, phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021-2026.
- Báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc năm 2020, phương hướng năm 2021.
- Báo cáo hoạt động nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021-2026.

*** Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:**

- Doanh thu nước:

| | | |
|--------------|---------|---------|
| + Bắc Giang: | 155,160 | Tỷ đồng |
| + Lục Nam: | 4,761 | Tỷ đồng |

- Nước Thương phẩm:

| | | |
|--------------|--------|----------------------|
| + Bắc Giang: | 14,150 | Triệu m ³ |
| + Lục Nam: | 483 | Nghìn m ³ |

- Thất thoát mạng:

| | | |
|--------------|----|---|
| + Bắc Giang: | 13 | % |
| + Lục Nam: | 17 | % |

- Công tác đầu tư: 55 Tỷ đồng

Điều 2: Thông qua Phê duyệt công tác đầu tư đối với Dự án “ Mở rộng cấp nước cho một số xã của các huyện Việt Yên; Tân Yên tỉnh Bắc Giang”

- Tổng giá trị dự kiến: 90 tỷ đồng ; Thời gian thực hiện 3 năm.

Điều 3: Thông qua việc tiếp tục mua buôn nước của Công ty CP đầu tư hạ tầng nước DNP-Bắc Giang theo HĐ 14/2018/HĐMB/DNP- Bắc Giang.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính; Phương án phân phối lợi nhuận
- Cổ tức chi trả năm 2020 (4,24%): 424 đồng/1 cổ phiếu.

*** Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:**

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch Phân phối lợi nhuận |
|-----|--|-------|------------------------------|
| 1 | Vốn điều lệ cuối năm | Tỷ.đ | 181,494 |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ.đ | 160 |
| 3 | Tổng chi phí | Tỷ.đ | 148 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ.đ | 12 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ.đ | 9,6 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế năm 2021 dùng để phân phối (toàn bộ) | Tỷ.đ | 9,6 |
| 7 | Trích lập các quỹ từ LNST 2021 + Quỹ khen thưởng phúc lợi: (20%) | Tỷ.đ | 1,920 |
| 8 | Chia cổ tức (toàn bộ số lợi nhuận còn lại) | Tỷ. đ | 7,680 |
| 9 | Tỷ lệ trả Cổ tức (4,23%) | đ/1cp | 423 |

Điều 5: Thông qua Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2020, kế hoạch chi trả năm 2021.

*** Thù lao đã chi trả năm 2020:**

- Thành viên HĐQT: 2,0 triệu đồng/ tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 1,2 triệu đồng/ tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 1,0 triệu đồng/ tháng
- Thư ký Công ty: 1,0 triệu đồng/ tháng

*** Kế hoạch chi trả thù lao năm 2021:**

- Thành viên HĐQT: 3,0 triệu đồng/ tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 2,0 triệu đồng/ tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 1,5 triệu đồng/ tháng
- Thư ký Công ty: 1,5 triệu đồng/ tháng

Điều 6: Thông qua tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động;
Thông qua các Quy chế sau:

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Nước sạch Bắc Giang;
2. Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty;
3. Quy chế hoạt động của HĐQT;
4. Quy chế hoạt động của BKS.

Điều 7: Thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT; thành viên Ban kiểm soát.

Miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020.



Điều 8: Thông qua Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các công ty Kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán do Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021.

Điều 9: Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị gồm các ông/bà có tên sau:

1. Ông: Hương Xuân Công
2. Ông: Trần Đăng Điều
3. Bà: Nguyễn Thị Phương Thảo
4. Ông: Lê Ngọc Duyên
5. Ông: Ngô Thành Chung

2. Thành viên Ban Kiểm soát gồm các ông/bà có tên sau:

1. Bà: Nguyễn Thị Thanh Thùy
2. Bà: Vũ Thị Thúy
3. Bà: Nguyễn Hồng Oanh

Điều 8: Tổ chức thực hiện

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang biểu quyết thông qua toàn văn và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/4/2021.

Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các Cổ đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang ./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Cổ đông C.ty;
- Lưu: VT, hồ sơ ĐH.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Hương Xuân Công

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2016 - 2020
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2021 - 2026

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. HĐQT Công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2016 - 2020; Phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2021 - 2026 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH.

- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 13/11/2015, bầu ra gồm 05 thành viên (*trong đó có 01 đồng chí được HĐQT bầu giữ chức danh Chủ tịch HĐQT, còn 04 đồng chí là ủy viên*). Với thời hạn 05 năm theo quy định của Điều lệ Công ty cũng như các pháp luật liên quan khác.

- Năm 2018 đồng chí Phạm Hùng - Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty qua đời do mắc bệnh hiểm nghèo. Căn cứ vào tình hình thực tiễn cũng như các điều kiện khách quan, chủ quan khác Công ty không bầu bổ sung ủy viên HĐQT mà từ đó đến nay HĐQT Công ty hoạt động với 04 thành viên.

- Nhiệm kỳ 2016 - 2020 Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Năm 2017, công ty đã đăng ký công ty đại chúng với UBCK Nhà nước và thực hiện giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom, với một người đại diện theo pháp luật đó là Chủ tịch HĐQT Công ty.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ TRONG NHIỆM KỲ 2016 -2020.

1. Thực hiện chức năng quản trị Doanh nghiệp theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

a) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Hằng năm HĐQT luôn nghiêm túc thực hiện công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Điều lệ và các quy định của pháp luật liên quan. Tại Đại hội đồng cổ đông các báo cáo của HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính và các Tờ trình về phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập v.v... đều được bàn bạc, trao đổi, công khai. Và được các cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội, làm căn cứ thực hiện.

- HĐQT luôn duy trì Quy chế làm việc, quyết định các vấn đề theo quy định của Điều lệ đối với HĐQT và Chủ tịch HĐQT. Hằng tháng HĐQT họp với Ban điều hành cũng như trưởng, phó các phòng ban, bộ phận, đoàn thể thống nhất các nội dung điều hành Công ty, sau đó Chủ tịch HĐQT ra thông báo kết luận thực hiện.

- HĐQT họp thông qua các Báo cáo tài chính tháng, quý, năm của Ban giám đốc trên cơ sở được soát xét, kiểm toán theo quy định.

- HĐQT, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc phê duyệt các Dự án, gói thầu mua sắm theo quy định của Điều lệ. Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Ban giám đốc thực hiện việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo quy định.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NHIỆM KỲ (2016 - 2020).

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kết quả thực hiện | | | | |
|----|--|----------------------|-------------------|----------|----------|----------|----------|
| | | | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 |
| 1 | Doanh thu kinh doanh nước sạch | Tỷ VNĐ | 87,678 | 109,624 | 116,740 | 142,733 | 154,927 |
| 2 | Sản lượng nước thương phẩm | Triệu m ³ | 10,443 | 11,384 | 12,168 | 13,702 | 14,180 |
| 3 | Lợi nhuận (trước thuế) | Tỷ VNĐ | 4,76 | 7,14 | 8,04 | 7,09 | 11,19 |
| 4 | Số lượng khách hàng phát triển mới trong năm | KH | 2.452 | 4.973 | 7.253 | 7463 | 2.781 |
| 5 | Tỷ lệ thất thoát - thất thu. | % | 18,19 | 14,35 | 14,91 | 16,93 | 14,38 |
| 6 | Chi trả cổ tức | đồng/cp | 136 | 173 | 223 | 199 | 424 |

- Kết quả sản xuất kinh doanh hằng năm: Doanh thu, sản lượng đều tăng, nguồn vốn được đảm bảo, Công ty sản xuất kinh doanh có lãi và chi trả cổ tức cho các cổ đông.

- Thu nhập của người lao động được tăng trưởng đều hằng năm và nằm trong топ doanh nghiệp có thu nhập trung bình của người lao động cao so với mặt bằng chung toàn tỉnh. Các chế độ chính sách với người lao động và Nhà nước luôn được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

b) Công tác giám sát với Ban giám đốc.

- HĐQT thực hiện việc giám sát quá trình quản lý, điều hành của Ban giám đốc theo đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Phối hợp tạo điều kiện cùng Ban giám đốc chỉ đạo tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cũng như các công tác khác.

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo, cũng như tháo gỡ các khó khăn kịp thời theo đề nghị của Ban giám đốc cùng các phòng ban, đoàn thể chủ động phối hợp, phân đầu thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức Nghị quyết của Hội nghị người lao động cũng như Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra.

c) Công tác quản lý đầu tư.

- HĐQT phê duyệt và quyết định đầu tư các hạng mục công trình bằng nguồn vốn của doanh nghiệp theo đề xuất của Ban giám đốc, đảm bảo việc đầu tư xuất phát từ yêu cầu thực tiễn cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Các hạng mục đầu tư cũng như các gói thầu mua sắm luôn đảm bảo các quy định của Pháp luật (đã được các cơ quan kiểm tra, thanh tra cũng như cơ quan kiểm toán kiểm soát hằng năm). Luôn phát huy được hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

d) Công tác quản lý tài chính.

- Hoạt động quản lý tài chính của HĐQT luôn được chú trọng, đảm bảo các nguyên tắc tài chính, tính minh bạch, công khai tuân thủ các quy định của Pháp luật và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Việc quản lý tài chính được thông qua việc kiểm soát thường xuyên của Ban kiểm soát Công ty cũng như ý kiến đánh giá của Kiểm toán độc lập hằng quý, 6 tháng và năm.

e) Công tác chỉ đạo Ban kiểm soát.

- HĐQT luôn tạo điều kiện để BKS kiểm tra các hoạt động của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Ban giám đốc cũng như các phòng ban trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định và trên tất cả các hoạt động: Sản xuất kinh doanh, công tác tài chính, công tác tổ chức cán bộ, chế độ tiền công, tiền lương của người quản lý, người lao động trong Công ty cũng như công tác phân phối lợi nhuận với các cổ đông v.v... đảm bảo nguyên tắc độc lập, công khai, minh bạch theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông và các văn bản Pháp luật liên quan khác.

f) Công tác quan hệ với các cổ đông.

- HĐQT nghiêm túc thực hiện công bố thông tin theo quy định một cách công khai, minh bạch tới các cổ đông. Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy định của UBCK Nhà nước quy định đối với Công ty đại chúng quy mô lớn.

- Các quyền lợi của cổ đông như: Được tiếp nhận thông tin, hội họp, tiếp cận các báo cáo, hưởng cổ tức từ việc sản xuất kinh doanh có lãi v.v... được HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát nghiêm túc thực hiện.

- Đặc biệt với UBND tỉnh Bắc Giang, với 2 vai trò là đại diện Chủ sở hữu và là cổ đông lớn (*trước tháng 02/2020 chiếm 85,86% CP; từ tháng 02/2020 đến nay chiếm 51% CP*). HĐQT luôn thực hiện nghiêm túc các quy định của UBND tỉnh "Quy định quản lý Người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp". Trước khi Chủ tịch HĐQT Công ty biểu quyết, quyết định các nội dung mà theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty phải xin ý kiến UBND tỉnh Bắc Giang bằng văn bản đều được thực hiện nghiêm túc.

2. Thực hiện các quy định của Pháp luật và sự chỉ đạo của cấp trên.

- Ngay sau khi Đại hội cổ đông lần thứ nhất thành công, chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên sang mô hình Công ty cổ phần. HĐQT Công ty đã nghiêm túc thực hiện các quy định của Pháp luật và chỉ đạo của cấp trên để phù hợp với mô hình doanh nghiệp và Công ty Cổ phần với các kết quả đã thực hiện hoàn thành cụ thể như sau:

+ Ngày 09/3/2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 1217/UBCK-GSĐC "về việc Chấp thuận Hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang".

+ Ngày 08/6/2017, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt nam đã có Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 115/2017/GCNCP-VSD chứng nhận công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 08/6/2017.

+ Ngày 24/10/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có Quyết định số 889/QĐ-SGDHN “về việc chấp nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang”.

+ Ngày 24/10/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cũng có Thông báo số 1378/TB-SGDHN “về việc thông báo ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang với nội dung:

. Ngày giao dịch đầu tiên: Ngày 31/10/2017 (thứ Ba).

. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: 10.100đ/1 cổ phiếu.

+ Theo quy định của Pháp luật đối với Công ty đại chúng quy mô lớn và Nhà nước giữ cổ phần chi phối “Chủ tịch HĐQT không kiêm Giám đốc điều hành”. Ngày 01/5/2017 Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đã hoàn tất việc thực hiện quy định của Pháp luật, đồng chí Chủ tịch HĐQT không kiêm Giám đốc Công ty.

+ Trong giai đoạn 2016 - 2020 Chính phủ có chủ trương thoái vốn các doanh nghiệp mà Nhà nước không nhất thiết phải nắm giữ cổ phần. Đây là nhiệm vụ hết sức khó khăn đối với các doanh nghiệp nói chung cũng như doanh nghiệp kinh doanh ngành nước nói riêng, ở Trung ương cũng như địa phương. Nhưng với quyết tâm cao của HĐQT, dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đã thực hiện xong việc thoái vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang theo quy định của Chính phủ và kế hoạch của UBND tỉnh. Tại phiên đấu giá cổ phần ngày 09/01/2020, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đã thực hiện xong việc thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ (*từ 85,86% xuống còn 51%*). Đây là doanh nghiệp có tỷ lệ thoái vốn nhà nước cao nhất, cũng như xong đúng kế hoạch trong toàn tỉnh (*được thể hiện ở tiêu chí số cổ phần chào bán hơn 6 triệu CP, với giá trị thoái vốn hơn 120 tỷ VNĐ*).

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện xong nhiệm vụ cấp nước cho 16 phường/xã trên địa bàn thành phố Bắc Giang. Đến nay 100% người dân, cơ quan đơn vị đóng trên địa bàn đã được cấp nước sạch an toàn với cả 03 tiêu chí: Lưu lượng, áp lực, chất lượng.

3. Việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT.

Trong nhiệm kỳ vừa qua, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao. Gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT đó là việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT được thể hiện trên các mặt cụ thể như sau:

- Các chỉ tiêu: Doanh thu, sản lượng, lợi nhuận, thực hiện nghĩa vụ với cổ đông và người lao động luôn luôn có sự tăng trưởng. Công ty sản xuất kinh doanh ổn định (*vốn được bảo toàn, sản xuất kinh doanh có lãi, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước, cổ đông, người lao động*).

- Các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty được triển khai một cách bài bản có hiệu quả, đúng quy định.

- Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì; Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh cũng như các Bộ ngành tặng nhiều Bằng khen.

- Công ty là doanh nghiệp tiêu biểu của tỉnh trong nhiều năm liên tục. Cá nhân đồng chí Chủ tịch HĐQT được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; danh hiệu Doanh nhân tiêu biểu của Tỉnh. Hiện nay Công ty đang hoàn thiện các thủ tục đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng Nhất.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG NHIỆM KỲ.

Bên cạnh những kết quả nổi bật trong quản lý, điều hành Công ty. HĐQT, Chủ tịch HĐQT vẫn còn một số tồn tại nhất định như:

- Chưa phát huy triệt để các nguồn lực của Công ty như: tài chính, con người, lợi thế kinh doanh, thương hiệu doanh nghiệp niềm tin của khách hàng, sự quan tâm chỉ đạo tạo điều kiện của Tỉnh ủy, UBND tỉnh cũng như các cấp, các ngành nên hiệu quả sản xuất kinh doanh còn hạn chế chưa đem lại lợi nhuận, cổ tức cao cho doanh nghiệp và cổ đông.

- Công tác đầu tư còn chưa mạnh dạn, chưa có kế hoạch đón đầu, cạnh tranh thị phần khách hàng với các doanh nghiệp kinh doanh nước sạch khác trên địa bàn. Đặc biệt là đầu tư vào ứng dụng KHCN, các phần mềm quản lý tiên tiến để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công tác quản lý, giám sát hoạt động của Ban giám đốc, Ban kiểm soát và các phòng ban có phần nào chưa quyết liệt nên một số tập thể, cá nhân vẫn còn thụ động, ỷ nại trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.

- Một số Dự án dừng triển khai cũng như chưa triển khai được đó là: Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước số 2, dừng triển khai (theo yêu cầu khách quan của Tỉnh ủy, UBND tỉnh) nhưng đến nay chưa thực hiện dứt điểm việc quyết toán các chi phí; Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Văn phòng của Công ty (được xây dựng từ năm 1993 đã xuống cấp nghiêm trọng) nhưng chưa triển khai được vì vẫn lúng túng trong việc tìm kiếm vị trí đất mới để xây dựng.

- Quy mô về doanh thu, sản lượng và tổng số khách hàng quản lý của doanh nghiệp hiện nay mới ở mức trung bình khá so với các công ty kinh doanh nước sạch ở các tỉnh phía Bắc.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2021 - 2026.

Nhiệm kỳ 2021 - 2026, là nhiệm kỳ thứ 2 Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần có sự tham gia của nhiều cổ đông là tổ chức, cá nhân. Đây cũng là nhiệm kỳ Công ty có nhiều lợi thế sau 5 năm hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần đó là: Công ty có một hệ thống hạ tầng kỹ thuật tốt, mức độ bao phủ rộng khắp 16 đơn vị hành chính của thành phố Bắc Giang cũng như các xã giáp ranh của các huyện. Đặc biệt là Thị trấn Đồi Ngô đang hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV, đây là địa bàn cấp nước mà Công ty đang quản lý. Công ty có đội ngũ CBCNV, người lao động có tay nghề cao, có kinh nghiệm trong nhiều năm làm công tác sản xuất kinh doanh nước sạch. Với một bộ máy lãnh đạo quản lý từ Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát và các đoàn thể đoàn kết thống nhất cao. Đặc biệt qua nhiều năm sản xuất kinh doanh nước sạch, Công ty là một doanh nghiệp uy tín, có sự tin tưởng của khách hàng cũng như các cấp ủy Đảng, chính quyền tin tưởng dùng sản phẩm cũng như quan tâm tạo điều kiện tốt nhất trong kinh doanh nước sạch.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản cũng có nhiều khó khăn tác động trực tiếp tới việc sản xuất kinh doanh của đơn vị trong các năm tới như: Sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp kinh doanh nước sạch trên địa bàn; tác động của Đại dịch covid-19 tới sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các khách hàng lớn của Công ty; chất lượng nước Sông Thương ngày càng ô nhiễm và có nguy cơ cạn kiệt; Nhà máy sản xuất nước sạch của đơn vị được đầu tư xây dựng và cải tạo qua nhiều giai đoạn từ những năm 80 của Thế kỷ trước, khó khăn cho việc cải tạo, nâng cấp ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nước sạch v.v....

Vì vậy HĐQT Công ty cần tập trung lãnh đạo để thực hiện tốt một số nhiệm vụ, mục tiêu, phương hướng trong nhiệm kỳ tới, đảm bảo Công ty sản xuất kinh doanh ổn định phát triển trong các năm tới như sau:

1. Ổn định công tác tổ chức nhân sự ngay sau khi Đại hội. Ban hành các văn bản phục vụ cho công tác quản trị Công ty như: Điều lệ hoạt động; Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát; Quy chế phối hợp giữa các tổ chức, bộ phận trong Công ty.

2. Phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của doanh nghiệp như: Cơ sở hạ tầng, uy tín thương hiệu của doanh nghiệp, tiềm năng con người, tạo sự đồng bộ thống nhất mạnh mẽ trong sản xuất kinh doanh, thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội.

3. Mạnh dạn đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ cũng như các phương pháp quản lý tiên tiến hiện đại trong quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt chú trọng đầu tư tại khu vực sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm nước sạch, luôn đáp ứng được tiêu chuẩn “Nước sạch phục vụ ăn uống và sinh hoạt”. Chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ khách hàng, đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

4. Phối hợp với nhân dân và các cấp các ngành tuyên truyền giáo dục và đề ra các giải pháp, biện pháp hợp lý để bảo vệ và tiến tới nâng cao chất lượng nguồn nước Sông Thương đảm bảo đủ điều kiện để khai thác phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh nước sạch. Đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt hành lang an toàn khai thác nước mặt.

5. Tăng cường hơn nữa công tác quan hệ với các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông lớn, tranh thủ các nguồn lực tài chính, kinh nghiệm, KHHCN mà các cổ đông hiện có để đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Nghiêm túc thực hiện các quy định của Pháp luật, Điều lệ cũng như các kiến nghị chính đáng của các cổ đông, cung cấp thông tin cho các cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời, minh bạch, chính xác để các cổ đông giám sát thực hiện.

6. Phối hợp chặt chẽ với Công ty DNP - Bắc Giang trong việc thực hiện Hợp đồng “Mua buôn nước sạch” trên tinh thần: Tin tưởng - Hợp tác - Cùng phát triển. Giải quyết kịp thời các phát sinh trong việc thực hiện Hợp đồng, không để xảy ra việc tranh chấp, xung đột về lợi ích giữa 2 bên.

7. Thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật đối với Công ty đại chúng trong sản xuất kinh doanh và các công tác khác đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên. Tăng cường mối quan hệ, tranh thủ sự ủng hộ tạo điều kiện giúp đỡ của Tỉnh ủy, UBND, HĐND cũng như các cấp, các ngành và các huyện, thành phố nơi mà Công ty trực tiếp sản xuất kinh doanh.

8. Trong nhiệm kỳ phân đầu hoàn thiện việc xây dựng Trụ sở làm việc Văn phòng của Công ty; đầu tư cải tạo các hạng mục công trình tại khu vực sản xuất nước sạch đảm bảo an ninh, an toàn cho việc sản xuất nước sạch trước các biến động chất lượng của nguồn nước Sông Thương. Tăng cường đầu tư các thiết bị công nghệ mới trên Hệ thống mạng lưới cấp nước, đảm bảo việc giám sát vận hành một cách hiệu quả nhất.

9. Phân đầu sản xuất kinh doanh ổn định, lợi nhuận tăng trưởng, nâng cao hơn nữa đời sống của người lao động cả về thu nhập, điều kiện môi trường làm việc cũng như cổ tức của các cổ đông. Doanh nghiệp ngày càng ổn định, phát triển lâu dài.

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng cảm ơn các cổ đông đã về dự Đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2021 - 2026 một cách nghiêm túc, đầy đủ, tạo nên sự thành công của Đại hội. Chúng tôi cam kết luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ mà Đại hội giao với tinh thần trách nhiệm cao, công tâm, khách quan, trung thực và cẩn trọng, đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty, cho các cổ đông, đáp ứng sự mong đợi của các cổ đông.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, BGD, BKS;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu: VT, Hồ sơ ĐH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hương Xuân Công

Số: 111 /BC-NSBG

Bắc Giang, ngày 15 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Là Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, với phần vốn nhà nước chiếm tỷ lệ 51%, nên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Công ty luôn bám sát vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, luật doanh nghiệp, đặc biệt là các chương trình phát triển kinh tế xã hội tại địa phương gắn liền với chức năng ngành nghề của Công ty để lãnh đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

I. CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020.

1. Những thuận lợi và khó khăn.

*** Thuận lợi.**

Công ty luôn có sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các ngành, UBND thành phố, huyện Lục Nam và UBND phường, xã trên địa bàn, CBCNV luôn đoàn kết, có ý thức trách nhiệm và tổ chức kỷ luật tốt; kinh doanh trong điều kiện thuận lợi: Lượng khách hàng luôn tăng trưởng, kinh doanh sản phẩm nước sạch là mặt hàng thiết yếu đối với mỗi gia đình và Công ty đã có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và kinh doanh nước sạch .

*** Khó khăn:**

Năm 2020, Công ty cũng gặp một số khó khăn như:

- Nguồn nước thô (nước sông Thương, nước sông Lục Nam) luôn có nguy cơ ô nhiễm do nguồn nước xả thải vào sông không đảm bảo chất lượng, do ô nhiễm môi trường từ xác động vật chết, dầu máy của các xà lan hoạt động trên sông...

- Cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch ngày càng gia tăng và phức tạp giữa các Công ty kinh doanh nước sạch trên địa bàn nên công tác phát triển khách hàng và mở rộng thị trường ngày càng khó khăn

- Do đại dịch Covid-19 kéo dài, các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài bị ảnh hưởng rất lớn, nhiều doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất hoặc sản xuất cầm chừng dẫn đến sản lượng nước cung cấp cho các khu công nghiệp năm 2020 giảm 12% so với năm 2019.

- Một số CBCNV ý thức và trách nhiệm kém, vi phạm nội quy, quy chế của Công ty.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020.

Năm 2020, mặc dù có sự bùng phát đại dịch bệnh covid- 19 nhưng dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban giám đốc Công ty đã tập chung chỉ đạo quyết liệt, đảm bảo nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ " vừa phòng dịch vừa sản xuất kinh doanh trong điều kiện mới" một cách an toàn, hiệu quả. Kết quả:

1 Công tác lãnh chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ.

Công ty đã chỉ đạo các phòng ban thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình trong công tác sản xuất, kinh doanh nước và công tác đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước góp phần giữ vững thương hiệu sản phẩm nước sạch của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang trong môi trường kinh doanh ngày càng có nhiều sự cạnh tranh.

Thực hiện nghiêm các văn bản của Chính phủ, các bộ ngành, Tỉnh ủy, UBND tỉnh "*về thực hiện phòng chống đại dịch Covid-19*". Chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh đảm bảo nguyên tắc vừa phòng chống dịch vừa sản xuất kinh doanh hiệu quả ở 3 nhiệm vụ chính: Sản xuất nước sạch; kinh doanh nước sạch; công tác đầu tư. Miễn, giảm tiền nước cho các đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội do tác động của đại dịch, các khu cách ly tập chung của Tỉnh.

Do tác động của dịch Covid đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nên Công ty đã phải điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh những vẫn đảm bảo tăng so 2019, chỉ tiêu sau điều chỉnh: doanh thu tăng 8%, nước thương phẩm tăng 3%, công tác đầu tư tăng 16%, riêng chỉ tiêu tài không điều chỉnh và kết quả đều đạt và vượt so với KH, đảm bảo quyền lợi cho CBCNV và các cổ đông Công ty.

Đảng ủy và Ban lãnh đạo đã tổ chức họp và chỉ đạo với từng phòng ban chuyên môn đánh giá công tác sản xuất kinh doanh; công tác phát triển khách hàng; công tác đầu tư; các giải pháp thực hiện chống thất thoát thất thu; đánh giá quá trình thay thế, sửa chữa máy bơm tại Trạm bơm nước thô XNCN thị trấn Đồi Ngô Lục Nam và Công tác vận hành, công tác quản lý mạng... tuyên truyền nâng cao nhận thức của người lao động về khó khăn mà doanh nghiệp phải phân đầu vươn lên trong sản xuất kinh doanh và cùng doanh nghiệp khắc phục các khó khăn do đại dịch gây ra, nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí.

Ký kết "Thỏa ước lao động tập thể" thể hiện những cam kết giữa người sử dụng lao động và người lao động: 100% người lao động được tham gia BHXH; áp dụng mức lương tối thiểu vùng; công tác đào tạo nâng bậc, nâng lương được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, trong năm đã có 52 trường hợp đủ điều kiện nâng bậc, nâng lương.

Công tác đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ: Hàng năm Công ty tổ chức tập huấn luyện ATLĐ và VSLĐ, phòng chống cháy nổ cho CBCNV toàn Công ty, nội quy lao động cũng được ban hành và treo đầy đủ tại các vị trí sản xuất, biển báo tại công trường đang thi công.

Công tác an sinh xã hội: Tham gia đóng góp các quỹ từ thiện với tổng số tiền \approx 1,5 tỷ đồng.

Công tác chỉ đạo và phối hợp giữa chính quyền và các đoàn thể được thực hiện thường xuyên, chính quyền đã tạo điều kiện tốt nhất cho các đoàn thể hoạt động, kết quả năm 2020 Công đoàn được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

*** Một số kết quả nổi bật của Ban Giám đốc trong 5 năm qua:**

- Thực hiện 02 lần điều chỉnh giá nước vào năm 2016 và 2019.

- Mở rộng cấp nước: Các khu vực Dĩnh Trì; Tân An; Tân Tiến; Song Mai; Song Khê; Tân Mỹ; Hương Gián; Đồng Sơn đảm bảo việc cấp nước cho 16

phường xã trên địa bàn thành phố Bắc Giang. Lượng khách hàng tăng trong 5 năm qua là: 22.919 khách hàng.

- Quản lý và điều hành Xí nghiệp cấp nước Đồi Ngô Lục Nam theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Cùng HĐQT thực hiện xong công tác thoái vốn theo chỉ đạo của UBND tỉnh, tỷ lệ cổ phần hiện tại: Cổ đông nắm giữ 49%, nhà nước nắm giữ 51%.

2. Công tác sản xuất nước sạch.

Xác định nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của đơn vị là tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả đảm bảo sự ổn định, tồn tại cũng như phát triển của Doanh nghiệp. Vì vậy các quy trình, quy phạm trong khâu sản xuất được chỉ đạo, tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc chặt chẽ có sự kiểm tra đôn đốc thường xuyên từ lãnh đạo được giao nhiệm vụ quản lý trực tiếp, đến quản đốc và các ca trưởng, tổ trưởng. Các Nhà máy nước sản xuất phải luôn đảm bảo ba tiêu chí đó là: chất lượng, lưu lượng và áp lực.

Xây dựng các phương án sản xuất nếu đại dịch covid-19 bùng phát, đảm bảo công tác sản xuất nước, an toàn, ổn định.

Trong năm qua Nhà máy nước Bắc Giang và Lục Nam luôn thực hiện đúng quy trình, quy phạm sản xuất, kết quả 100% mẫu nước được Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bắc Giang kiểm tra và đánh giá đạt “Nước sạch phục vụ ăn uống và sinh hoạt”

Để tăng cường công tác đảm bảo chất lượng nước, Công ty đã đầu tư thay thế 02 máy bơm Clo mới tại Khu xử lý và Trạm bơm I; Nâng cấp máy châm định lượng Clo từ 2kg lên 5kg tại Trạm bơm I và Khu xử lý từ 5kg lên 10 kg, hoàn thiện hệ thống SCADA đảm bảo giám sát các quy trình sản xuất và chất lượng nước tự động 24/24h và nâng cao chất lượng nguồn nước...Ngoài ra thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị thường xuyên, nghiêm túc, các sự cố luôn được khắc phục kịp thời nhanh chóng, đảm bảo hệ thống cấp nước hoạt động an toàn và hiệu quả cao nhất.

Luôn quan tâm công tác kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, hàng ngày cử công nhân bơi thuyền dọc sông Thương để kiểm tra thượng lưu và hạ lưu của Trạm bơm nước thô, kịp thời phát hiện những bất thường gây ô nhiễm nguồn nước.

Thực hiện quy trình vận hành vào mạng lưới cấp nước khi công ty sử dụng 02 nguồn nước cấp chung vào hệ thống mạng lưới cấp nước, thường xuyên giám sát chất lượng nước của Công ty DNP cấp vào mạng của Công ty theo quy định.

Thực hiện các quy định của " Sổ tay cấp nước an toàn" giúp phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục tất cả các mối nguy và sự cố xảy ra trong suốt quá trình sản xuất và cung cấp nước, mang đến cho khách hàng nước sạch an toàn, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng.

3. Công tác kinh doanh nước sạch.

Năm 2020 Công ty đã mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước tại các khu vực: Làng Chỗ - Hương Gián; Thôn Thăng - Tân An và một số vùng lân cận của thị trấn Đồi Ngô. Đến nay công tác phát triển mạng cấp nước đã hoàn thành

xong việc cấp nước cho 16 phường, xã của Thành phố Bắc Giang. Tính đến tháng 12, Công ty quản lý 62.638 đầu nối (bao gồm Khu vực Bắc Giang + thị trấn Đồi Ngô). Trong công tác kinh doanh chú trọng công tác dịch vụ khách hàng bằng nhiều giải pháp như: Thủ tục lắp mới đồng hồ đơn giản và nhanh gọn, thông tin đến khách hàng qua tin nhắn SMS, thanh toán tiền nước qua tài khoản ngân hàng, qua hệ thống ViettelPay; Hệ thống Payoo, áp dụng hóa đơn điện tử; giải quyết thời kịp thời các thắc mắc của khách hàng; linh động trong công tác đọc chỉ số và thu tiền khi thực hiện giãn cách xã hội vì dịch COVID-19... đem lại sự thuận tiện, tin tưởng và hài lòng cho khách hàng khi dùng nước của Công ty.

- Phát hiện và sửa chữa kịp thời các sự cố, đáp ứng nhu cầu cấp nước của khách hàng.

- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ, van mạng, chú trọng công tác đọc số và vào số, thu tiền hàng tháng nộp vào ngân hàng và quỹ đúng quy định.

- Công tác chống thất thoát mạng: Lắp đặt 50 đồng hồ tổng để phân vùng tách mạng đánh giá tỷ lệ thất thoát từng khu vực; cải tạo, thay tuyến ống kẽm, thay thế đồng hồ đã hết niên hạn và điều chỉnh áp lực trên mạng bằng các van thông minh. Kết quả: Tỷ lệ thất thoát mạng năm 2020 là 13,33% giảm so với 2019 là 2,42%.

- Thực hiện phân vùng cấp nước của 02 nguồn nước để quản lý và đánh giá. Cùng bộ phận Nhà máy nước thực hiện giám sát chất lượng nước và điều phối lượng nước mua buôn của Công ty DNP vào hệ thống cấp nước Bắc Giang.

- Phối kết hợp với các cấp chính quyền địa phương trong công tác quản lý Hệ thống cấp nước của đơn vị khi địa phương cải tạo nâng cấp đường, ngõ, xóm, chỉnh trang vỉa hè như: Kịp thời thay thế tuyến ống kẽm chất lượng, tuyến ống của các Dự án khác khi công ty nhận bàn giao mà vị trí tuyến ống khó xác định hoặc khó cho công tác sửa chữa thay thế sau này.

*** Kết quả công tác sản xuất kinh doanh năm 2020**

- Khu vực thành phố Bắc Giang

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | 2020 | | | So sánh 2019 % |
|----|-----------------------|----------------------|--------|---------|-----------|----------------|
| | | | KH | TH | So sánh % | |
| 1 | Doanh thu nước | Tỷ đồng | 150 | 150,639 | 100,43 | 108,1 |
| 2 | Nước thương phẩm | Triệu m ³ | 13,650 | 13,741 | 100,67 | 103,1 |
| 3 | Thất thoát CN | % | 02 | 2,22 | Tăng 0,22 | Tăng 0,16 |
| | Thất thoát mạng | % | 14,75 | 13,33 | Giảm 1,42 | Giảm 2,42 |
| 4 | Phát triển khách hàng | Đầu nối | 3.000 | 2.475 | 82,5 | 38,6 |

- Khu vực Lục Nam

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | 2020 | | | So sánh 2019 (%) |
|----|-----------------------|----------------------|------|-------|-----------|------------------|
| | | | KH | TH | So sánh % | |
| 1 | Doanh thu nước | Tỷ đồng | 4,1 | 4,288 | 104,6 | 125,4 |
| 2 | Nước sạch | Nghìn m ³ | 443 | 538 | 121,4 | 126,2 |
| 3 | Nước Thương phẩm | Nghìn m ³ | 390 | 439 | 112,5 | 116,4 |
| 4 | Thất thoát CN | % | 6,6 | 1,57 | Giảm 5,03 | Giảm 1,57 |
| | Thất thoát mạng | % | 11 | 18,45 | Tăng 7,45 | Tăng 6,94 |
| 5 | Phát triển khách hàng | Đầu nối | 150 | 306 | 204 | 104,7 |

*** Một số chỉ tiêu nổi bật 5 năm trong công tác Kinh doanh nước**

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm | | | | |
|----|-----------------------|----------------------|--------|---------|---------|---------|---------|
| | | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
| 1 | Doanh thu nước | Tỷ.đ | 87,678 | 109,624 | 116,740 | 142,733 | 154,927 |
| 2 | Nước thương phẩm | Triệu m ³ | 10,443 | 11,384 | 12,168 | 13,702 | 14,180 |
| 3 | Khách hàng quản lý | K/h | 39.719 | 44.617 | 51.289 | 59.286 | 62.638 |
| 4 | Phát triển khách hàng | Đầu nổi | 2.452 | 4.973 | 7.253 | 7.463 | 2.781 |
| 5 | Thất thoát chung | | | | | | |
| | - Bắc Giang | % | 18,19 | 14,35 | 14,91 | 16,93 | 14,38 |
| | - Lục Nam | % | 17,81 | 19,65 | 17,41 | 14,29 | 19,73 |

4. Công tác thi công xây lắp và đầu tư.

Bám sát vào nhiệm vụ chung của Công ty và tình hình phát triển đô thị, phát triển kinh tế của Thành phố Bắc Giang. Ban lãnh đạo đã xây dựng kế hoạch với giá trị là 31,6 tỷ đồng, kết quả đạt 27 tỷ đồng đạt 85,44% kế hoạch năm.

Cụ thể:

1. Xây dựng, cải tạo mạng lưới cấp nước, đường ống: 26 Tỷ đồng
 - Đường ống CN dọc đường 293 vào thôn Văn Sơn đến ngã tư đường vào lãng Chỗ 500 Tr.đồng
 - Đường ống CN bổ sung Song mai từ trạm Bơm TA đến cầu treo bên Tổng 07 Tỷ đồng
 - Lắp đặt đồng hồ tổng 05 Tỷ đồng
 - Thay thế ống thép tráng kẽm bằng ống HDPE trên mạng cấp nước TP Bắc Giang, thay thế đồng hồ cũ D15 10 Tỷ đồng
 - Tuyến ống D 200 cấp nước cụm Công nghiệp Khai Hồng - Lục Nam 3,5 Tỷ đồng
2. Mua vật tư dự phòng sửa chữa tại Nhà máy 01 Tỷ đồng

Các hạng mục thi công đảm bảo kỹ thuật và tiến độ, các công trình đều phát huy hiệu quả của công tác đầu tư, việc mua sắm vật tư hàng hóa theo đúng quy định của nhà nước.

*** Công tác đầu tư trong 5 năm.**

| Năm 2106 (Tỷ đồng) | Năm 2017 (Tỷ đồng) | Năm 2018 (Tỷ đồng) | Năm 2019 (Tỷ đồng) | Năm 2020 (Tỷ đồng) |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 21,49 | 39,92 | 61,97 | 27,1 | 27 |

Một số công trình lớn đã đầu tư trong năm 2016-2020.

- Cải tạo bể lắng ngang thành bể lắng Lamén (Nâng cao chất lượng nước)
- Cấp nước cho 100% các xã nội và ngoại thị khu vực: Giai đoạn 2016-2020 đã cấp nước khu vực Đồng Sơn, Tân Tiến, Song Mai, Dĩnh Kế, Dĩnh Trì, cấp nước xã Hương Gián huyện Yên Dũng và một phần xã Xuân Hương huyện Lạng Giang.
- Hệ thống Scada giám sát và điều khiển tự động tại các khu vực khai thác, xử lý nước.

- Lắp đặt hệ thống van giám áp, đồng hồ điện từ, đồng hồ siêu âm, logger trên hệ thống đường ống nhằm theo dõi lưu lượng và áp lực, nâng cao khả năng giám sát vận hành đường ống cấp nước, giảm thất thoát nước sạch.

- Cải tạo Trạm bơm cấp nước Tân An

- Đầu tư một số tuyến ống lớn: Tuyến ống CN bổ sung từ Trạm bơm 1 về Khu xử lý; Tuyến ống D 200 cấp nước bổ sung cho xã Song Mai; Tuyến ống D300 cấp nước cho KCN Đình Trám; Tuyến ống D400 CN khu đô thị phía Nam; Tuyến ống D 300 CN bổ sung cho thị trấn Tân An và Hương Gián; Tuyến ống truyền tải 2.

5. Công tác tài chính

Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, hoàn thành các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, thanh quyết toán nội bộ đúng quy định.

Thực hiện đầy đủ báo cáo tài chính theo quý, 6 tháng, năm, công khai, minh bạch thông qua đơn vị kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn gửi các cơ quan nhà nước, đồng thời công bố thông tin trên Website công ty.

Các chỉ tiêu tài chính năm 2020 đảm bảo thực hiện 100% theo kế hoạch đề ra, cho thấy Công ty đã sử dụng rất hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu.

* Công tác phân phối và sử dụng các quỹ

| | | |
|---|---------------|------|
| - Quỹ khen thưởng phúc lợi còn tồn 2019: | 252.198.235 | đồng |
| - Thu ủng hộ của CBCNV năm 2020: | 182.947.000 | đồng |
| - Tổng quỹ KTPL trích theo NQ-ĐHĐCĐ 2020: | 1.945.176.060 | đồng |
| - Quỹ KTPL đã chi năm 2020: | 1.927.508.000 | đồng |
| - Quỹ KTPL còn lại tính đến 31/12/2020: | 452.813.295 | đồng |
| - Quỹ KTPL năm 2020 tạm trích (Số chính thức do ĐHĐCĐ 2021 quyết định) | 1.924.339.161 | đồng |

* Công tác tài chính năm 2020.

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | 2020 | | | So sánh 2019 % |
|----|----------------------|---------|--------|-----------|-----------|----------------|
| | | | KH | Thực hiện | So sánh % | |
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 158,76 | 158,219 | 99,7 | 101,8 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 07 | 11,190 | 159,8 | 157,8 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 5,6 | 9,621 | 171,8 | 172,8 |
| 4 | Nộp ngân sách | Tỷ đồng | 15 | 13,838 | 92,2 | 92,2 |
| 5 | Nộp BHXH | Tỷ đồng | 5,5 | 5,464 | 99,3 | 105,6 |
| 6 | Thu nhập bình quân | Tr.đồng | 10 | 9,8 | 9,8 | 100 |

* Công tác tài chính giai đoạn 2016-2020.

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm | | | | |
|----|----------------------|------|-------|--------|-------|-------|---------|
| | | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ.đ | 92,82 | 118,75 | 128,5 | 150,5 | 158,219 |
| 2 | Lợi nhuận trước Thuế | Tỷ.đ | 4,76 | 7,14 | 8,04 | 7,09 | 11,190 |
| 3 | Nộp ngân sách | Tỷ.đ | 5,74 | 12,09 | 11,91 | 15 | 13,838 |
| 4 | Cổ tức | Đồng | 136 | 173 | 223 | 199 | 424 |

6. Công tác thực hiện chính sách đối với người lao động

Các chế độ về tiền lương, tiền thưởng và chính sách đối với người lao động luôn được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty đã bố trí sắp xếp sử dụng hợp lý số lao động hiện có, đảm bảo 100% người lao động có việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định. Lương bình quân toàn công ty đạt 9,8 triệu đồng/ người/tháng. Công ty đã thanh toán lương đầy đủ, không có hiện tượng nợ lương. Đóng bảo hiểm cho 100% CBCNV với tổng số tiền BHXH Công ty đã nộp năm 2020 là: 5,464 tỷ đồng.

Thực hiện công tác thi đua khen thưởng trong việc bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm đúng thời hạn, tổ chức khen thưởng đột xuất bằng tiền mặt cho tập thể và cá nhân đã có thành tích xuất sắc với tổng số tiền là: 115 triệu đồng.

Các chế độ thăm quan, nghỉ mát, văn nghệ, thể thao được công ty quan tâm và thực hiện thường xuyên để nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

Môi trường làm việc luôn được đầu tư nâng cấp, mua sắm các trang thiết bị cần thiết để tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

1. Các mặt đã làm được.

Năm 2020 là năm doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, nhưng với phối hợp và thống nhất giữa Đảng bộ, Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty trong sự lãnh đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, sự nỗ lực cố gắng của các phòng ban chức năng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã phấn đấu vượt qua khó khăn trong đại dịch, hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra như: Công tác sản xuất nước đảm bảo chất lượng, lưu lượng và áp lực; Doanh thu và sản lượng nước đều tăng; phối hợp nhịp nhàng và chặt chẽ trong việc mua buôn nước sạch của công ty DNP; Công tác cải tạo, đầu tư tại nhà máy và mạng được thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng, kỹ thuật; nguồn vốn của công ty được bảo toàn và tăng trưởng, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách và nâng cao thu nhập cho người lao động, CBCNV yên tâm công tác và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Công ty.

2. Những tồn tại hạn chế.

2.1. Những tồn tại hạn chế.

Bên cạnh kết quả đã đạt được, còn có những tồn tại, hạn chế như sau:

- Sở tay cấp nước an toàn hệ thống cấp nước Bắc Giang đã được Công ty xây dựng và phê duyệt, tuy nhiên chưa có sự kiểm tra thường xuyên trong quá trình thực hiện các quy định.

- Chưa xây dựng Hệ thống xử lý nước thải tại Khu xử lý theo cam kết của Công ty với Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Các phòng, ban còn chưa nắm bắt và cập nhật kịp thời các chế độ chính sách, quy chế thay đổi mới. Vì vậy công tác tham mưu với Ban lãnh đạo còn chưa sát thực và hiệu quả.

- Công tác dịch vụ khách hàng: Còn một số CBCNV chưa chịu khó học hỏi và nắm bắt được chuyên môn dẫn đến lúng túng khi giải đáp thắc mắc của khách hàng.

- Công tác quản lý các tổ xây lắp đã có đổi mới nhưng chưa đạt được như kỳ vọng dẫn tới thu nhập của công nhân xây lắp còn thấp so với mặt bằng của công ty, trong thi công còn bị chậm hoàn trả mặt bằng.

- Công tác chỉ đạo, phân công nhiệm vụ của Xí nghiệp Cấp nước Đồi Ngô còn chưa hợp lý, công tác tiếp nhận và xử lý phản ánh của khách hàng về chất lượng nước chưa kịp thời; thất thoát trên mạng còn cao và chưa đánh giá được nguyên nhân của thất thoát trên mạng.

- Việc bình xét thi đua xếp loại hàng tháng ở một số bộ phận làm chưa nghiêm túc.

- Trong năm đã xảy ra 01 trường hợp mất an toàn lao động do uống rượu.

- Công đoàn còn chưa chủ động thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.

2.2. Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế

Nguyên nhân khách quan:

- Việc bảo vệ nguồn nước thô sông Thương không chỉ một mình Công ty làm được mà cần có sự vào cuộc của chính quyền các cấp. Công ty đã 2 lần trình hồ sơ đề nghị phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước cho khu vực đã được cấp phép khai thác theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường đến nay vẫn chưa được phê duyệt.

- Chưa tìm ra giải pháp khắc phục khi vào mùa khô độ hóa oxy tăng cao.

- Các chế độ giải quyết thủ tục về đất đai rất phức tạp và thường xuyên thay đổi nên Công ty không thể mở rộng phân đất để xây dựng "Bể xử lý bùn thải" và phải chuyển sang phương án "Hệ thống máy ép bùn"

Nguyên nhân chủ quan:

- HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty chưa thực sự quyết liệt và tập trung cao trong việc chỉ đạo và thực hiện một số việc còn tồn tại ở trên, công tác xử lý vi phạm chưa thực sự kiên quyết.

- Một số lãnh đạo phòng, bộ phận chưa kiên quyết với sai phạm của cấp dưới mà còn nể nang nhắc nhở nên không tạo động lực cho nhân viên trong cùng bộ phận và sự phấn đấu của cá nhân mắc sai phạm.

- Một số CBCNV chưa chịu khó nghiên cứu và học hỏi về chế độ mới và có ý thức kém, trách nhiệm thấp trong thực hiện công việc được giao.

- Trường hợp mất an toàn lao động do không chấp hành Quy chế quản lý nội bộ của Nhà máy, công tác quản lý bộ phận Nhà máy chưa nghiêm.

- BCH Công đoàn chưa phát huy được trí tuệ tập thể, chưa chủ động xây dựng kế hoạch theo chức trách nhiệm vụ nên nhiều hoạt động hiệu quả không cao.

IV. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Đánh giá về tình hình kinh doanh.

Năm 2021 trước diễn biến phức tạp của dịch covid-19, công tác sản xuất kinh doanh nước sạch sẽ gặp những khó khăn như sau:

- Các doanh nghiệp là khách hàng lớn của Công ty chưa ổn định sản xuất đồng nghĩa với việc cung cấp nước sạch của Công ty tiếp tục sụt giảm.

- Công tác phát triển khách hàng ngày càng gặp nhiều khó khăn do có sự cạnh tranh của các đơn vị cấp nước khác.

- Chi phí cho sản xuất nước tăng: Do nguồn nước thô chất lượng ngày càng kém, hàm lượng chất hữu cơ ngày càng cao nên tăng lượng hóa chất sử dụng.

2. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021

2.1. Mục tiêu

- Đảm bảo cấp nước an toàn cho khách hàng tại thành phố Bắc Giang, thị trấn Đồi Ngô và các vùng lân cận.

- Tiếp tục mở rộng mạng cấp nước và cải tạo mạng cũ để nâng cao hiệu quả của Nhà máy nước Bắc Giang, Xí nghiệp cấp nước Đồi Ngô và tìm nguyên nhân tỷ lệ thất thoát khu vực Lục Nam, từ đó có giải pháp giảm tỷ lệ thất thoát.

- Bảo toàn nguồn vốn của Nhà nước và các cổ đông sau khi thoái vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như: tiền lương, thưởng, bảo hiểm, thăm quan nghỉ mát và an sinh xã hội.

2.2. Chỉ tiêu tài chính

| TT | Các chỉ tiêu | TH 2020 | | KH 2021 | |
|----|---------------------------------|---------|----------|---------|----------|
| 1 | Tổng doanh thu | 158,219 | tỷ đồng | 160 | tỷ đồng |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 11,190 | tỷ đồng | 12 | tỷ đồng |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 9,621 | tỷ đồng | 9,6 | tỷ đồng |
| 4 | Nộp ngân sách | 13,838 | tỷ đồng | 14 | tỷ đồng |
| 5 | Nộp BHXH | 5,464 | tỷ đồng | 5,5 | tỷ đồng |
| 6 | Thu nhập bình quân/ người/tháng | 9,8 | tr. đồng | 10 | Tr. đồng |

2.3 Chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | TH 2020 | KH 2021 | Tỷ lệ (tăng, giảm) |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|---------|---------|---------------------|
| I. Nhà máy nước Bắc Giang | | | | | |
| 1 | Doanh thu nước | Tỷ đồng | 150,639 | 155,160 | 3% |
| 2 | Nước sạch | Triệu m ³ | 15,855 | 16,266 | 2,6% |
| 3 | Nước thương phẩm | Triệu m ³ | 13,741 | 14,150 | 3% |
| 4 | Tỷ lệ thất thoát | | | | |
| | + Công nghệ: | % | 2,22 | 2,3 | Tăng 0,08% |
| | + Mạng: | % | 13,33 | 13 | Giảm 0,33% |
| 5 | Phát triển khách hàng | Đầu nối | 2.475 | 2.500 | 1% |
| II. Xí nghiệp CN Lục Nam | | | | | |
| 1 | Doanh thu: | Tỷ đồng | 4,288 | 4,716 | 10% |
| 2 | Nước thô | Nghìn m ³ | 547 | 596 | 9% |
| 3 | Nước sạch | Nghìn m ³ | 538 | 581 | 8% |
| 4 | Nước thương phẩm | Nghìn m ³ | 439 | 483 | 10% |
| | Tỷ lệ thất thoát : | | | | |
| | + Công nghệ | % | 1,57 | 2,5 | Tăng 0,93 |
| | + Mạng | % | 18,45 | 17 | Giảm 1,45 |
| 5 | Phát triển khách hàng | Đầu nối | 306 | 250 | 81,7% |

2.4. Công tác đầu tư

Căn cứ vào phương án phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; căn cứ vào nhu cầu sử dụng nước sạch của thành phố Bắc Giang và các vùng lân cận giai đoạn 2020-2021; căn cứ vào Quy hoạch phát triển của thành phố Bắc Giang năm 2021, tầm nhìn đến năm 2030.

Công ty xây dựng:

* **Kế hoạch đầu tư năm 2021 là : 55 tỷ đồng.**

Trong đó: - Xây dựng cải tạo khu xử lý: 15,8 tỷ đồng

- Xây dựng cải tạo mạng lưới: 39,2 tỷ đồng

* **Phương hướng thực hiện nhiệm vụ của Ban giám đốc trong nhiệm kỳ**

- Xây dựng Hệ thống thu hồi và xử lý bùn thải tại khu xử lý.

- Đầu tư nâng cấp thiết bị và cơ sở vật chất phòng hóa nghiệm đạt chuẩn.

- Xây dựng mái che cho hệ thống bể lắng, bể lọc tại khu xử lý

- Tuyến ống D300 đi qua cầu Trần Quang Khải cấp nước bổ sung cho Đa Mai; Song Mai.

- Đầu tư tuyến ống D300 cấp nước dọc đường vành đai Đông Bắc thành phố Bắc Giang.

- Phát triển khách hàng các khu vực huyện Tân Yên, huyện Việt Yên và thị trấn Đồi Ngô huyện Lục Nam.

+ Tổng giá trị: Dự kiến 120 tỷ đồng.

+ Thời gian thực hiện: 3 năm

- Lập phương án xây dựng hồ sơ lắng dự trữ nước.

3. Giải pháp thực hiện

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021, Ban lãnh đạo đề ra các giải pháp để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

3.1. Công tác sản xuất nước:

- Tăng cường công tác quản lý và thực hiện nghiêm túc Sổ tay cấp nước an toàn để sản xuất nước an toàn, cung cấp nước cho khách hàng đảm bảo tiêu chí: Lưu lượng, áp lực và chất lượng nước.

- Đánh giá chất lượng nguồn nước sông Thương, tìm giải pháp khắc phục độ ôxy hóa cao trong mùa khô.

- Tiếp tục đầu tư và áp dụng công nghệ mới tại các Nhà máy nước để nâng cao chất lượng nước và nâng cao năng xuất lao động.

- Công tác hóa nghiệm: Các chỉ tiêu xét nghiệm đảm bảo theo quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT.

- Đảm bảo công tác ATLĐ trong quá trình vận hành sản xuất nước.

3.2. Công tác kinh doanh:

- Đảm bảo cấp nước đầy đủ và đạt chất lượng cho khách hàng, tiếp tục quan tâm công tác dịch vụ khách hàng như: giải quyết kịp thời các thắc mắc của khách hàng; sử dụng hóa đơn điện tử, trả tiền nước qua các kênh thanh toán không dùng tiền mặt; thông tin đến khách hàng bằng tin nhắn SMS... Chú trọng

công tác đào tạo tại chỗ nâng cao trình độ chuyên môn, cũng như kỹ năng giao tiếp và ứng xử với khách hàng...

- Sử dụng hiệu quả các thiết bị đã đầu tư vào mạng cấp nước và phần mềm quản lý khách hàng để tăng cường công tác chống thất thoát có hiệu quả; Nâng cao an toàn cấp nước cho Hệ thống cấp nước thành phố Bắc Giang và vùng lân cận.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác quản lý đồng hồ nước để quản lý sản lượng nước cung cấp, giảm thất thoát thất thu. Kiểm tra giá biểu giá đúng với đối tượng, mục đích sử dụng, nhằm đảm bảo sự công bằng giữa các khách hàng.

- Tăng cường quản lý kiểm tra mạng phát hiện kịp thời những điểm vỡ, rò rỉ đường ống dưới lòng đất; bảo dưỡng đồng hồ đo nước đảm bảo chính xác trong đo đếm. Xây dựng và sửa đổi các quy định về quản lý các đồng hồ tổng và quản lý mạng...

- Tăng cường công tác kiểm soát lưu lượng, áp lực trên mạng qua các thiết bị tự động hóa. Tiếp tục thực hiện công tác phân vùng tách mạng, lắp đặt đồng hồ tổng để đánh giá và có giải pháp giảm thất thoát trên mạng. Tiếp tục phân vùng sử dụng nước của DNP và Công ty, cùng bộ phận nhà máy giám sát chất lượng nước của DNP.

- Tìm nguyên nhân của những khách hàng dùng 1m^3 hoặc không dùng, có giải pháp giảm tỷ lệ không dùng xuống còn 7%.

- Phối hợp tốt với các bộ phận khác để phát triển khách hàng theo kế hoạch.

3.3. Công tác đầu tư:

- Công tác đầu tư phải đảm bảo đúng quy định của nhà nước, tiết kiệm và hiệu quả.

- Tăng cường công tác giám sát, nâng cao trình độ và trách nhiệm của cán bộ giám sát và các tổ trưởng thi công.

- Các tổ thực hiện đúng tiến độ công trình, thi công theo đúng thiết kế, đảm bảo ATLĐ trong quá trình thi công.

- Thực hiện công tác giám sát CBCNV của các bộ phận được nhận tài sản để nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư.

- Thực hiện công tác đánh giá sau mỗi công trình thi công, đánh giá năng lực nhà thầu, rút ra bài học kinh nghiệm.

3.4. Công tác khác:

- Sửa đổi Điều lệ theo luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Quy chế quản trị theo luật Chứng khoán.

- Bổ sung những thay đổi (nếu có) vào các Quy chế quản lý nội bộ trình HĐQT phê duyệt.

- Thực hiện nghiêm túc tập huấn về ATLĐ, xây dựng và thực hành về các quy trình về sơ cấp cứu khi xảy ra mất ATLĐ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công việc đối với các bộ phận để nâng cao ý thức và trách nhiệm... Tiếp tục quản lý các tổ xây lắp để nâng cao thu nhập cho công nhân khối xây lắp.

- Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo tại chỗ để nâng cao tay nghề, khả năng giao tiếp với khách hàng và để sử dụng những công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường giao lưu học hỏi kinh nghiệm trong quản lý, vận hành và ứng dụng khoa học công nghệ mới của các công ty cấp nước trong ngành.

- Các phòng ban, nhà máy, xí nghiệp: Xây dựng quy chế hoạt động của bộ phận nhằm nâng cao chất lượng công việc và công tác sản xuất kinh doanh, tham mưu lãnh đạo công ty thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao và đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Báo Bắc Giang và Đài PT và TH Tỉnh tuyên truyền để người dân hiểu và yên tâm khi sử dụng nước của Công ty.

- Mỗi lãnh đạo quản lý, trưởng phó các phòng ban bộ phận và mỗi cán bộ công nhân viên trong Công ty phải nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, nghiên cứu, học hỏi về các chính sách mới và có nghĩa vụ chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và các quy định, quy chế của Công ty, không có trường hợp vi phạm Pháp lệnh dân số KHHGD sinh con thứ 3.

- Các Trưởng các phòng ban thực hiện nghiêm túc trong bình xét xếp loại hàng tháng. Các phòng ban cần có sự chủ động, phối kết hợp chặt chẽ khi thực hiện công việc.

- Cùng cố các tổ chức đoàn thể hoạt động đúng chức năng, thông qua đoàn thể phát động phong trào thi đua thiết thực hiệu quả, có mốc thời gian, có chỉ tiêu cụ thể và sau mỗi đợt thi đua có tổng kết.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2021. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty cùng toàn thể CBCNV Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Giang quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HDQT, BGD, BKS;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu: VT, Hồ sơ ĐH.



Trần Đăng Điều

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020 TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2021

(Báo cáo đã được kiểm toán)

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2019 | Tỷ lệ (%) |
|-------------|---|------------------------|------------------------|------------|
| A | BÁO CÁO CHI TIẾT KẾT QUẢ SXKD | | | |
| I | Tổng doanh thu và các khoản thu nhập | 158.219.083.884 | 155.536.261.737 | 102 |
| 1 | Tổng doanh thu | 151.844.260.959 | 149.201.674.587 | 102 |
| | <i>Doanh thu SX nước</i> | <i>148.363.079.722</i> | <i>136.889.267.878</i> | 108 |
| | <i>Doanh thu Xây lắp</i> | <i>3.481.181.237</i> | <i>12.312.406.709</i> | 28 |
| 2 | Thu nhập hoạt động TC (Lãi tiền gửi NH) | 5.199.178.732 | 5.273.409.051 | 99 |
| 3 | Thu nhập khác (thu vi phạm ĐH, 10% PBVMT được trích lại, thu thanh lý TS) | 1.175.644.193 | 1.061.178.099 | 111 |
| II | Tổng chi phí | 147.028.885.034 | 148.451.142.114 | 99 |
| 1 | <i>Nguyên Vật liệu</i> | <i>18.513.160.829</i> | <i>24.406.159.028</i> | 76 |
| - | Phèn và hóa chất khác | 927.127.455 | 1.211.540.303 | 77 |
| - | Clo | 714.700.000 | 414.484.068 | 172 |
| - | Điện | 5.336.544.879 | 6.793.994.789 | 79 |
| - | Vật tư sửa chữa, thay thế | 11.534.788.495 | 15.986.139.868 | 72 |
| 2 | <i>CP nhân công trực tiếp SX nước</i> | <i>13.290.808.604</i> | <i>13.176.319.733</i> | 101 |
| 3 | <i>CP SX chung</i> | <i>26.172.539.530</i> | <i>32.361.809.849</i> | 81 |
| - | Khấu hao TSCĐ | 10.356.404.096 | 15.379.600.023 | 67 |
| - | Lương tổ BD NMN và các tổ thi công xây lắp, NC thuê ngoài, NC SC chung | 7.080.456.784 | 7.596.361.889 | 93 |
| - | CP CTP+AC và các CPSXC khác | 8.735.678.650 | 9.385.847.937 | 93 |
| 4 | <i>CP bán hàng</i> | <i>30.326.724.015</i> | <i>34.507.916.673</i> | 88 |
| | <i>Khấu hao TSCĐ</i> | <i>4.111.250.341</i> | <i>9.631.222.424</i> | 43 |
| | Lương khối kinh doanh | 20.564.307.600 | 19.356.197.700 | 106 |
| | CP CTP+ĂC và các CPBH khác khối KD | 5.651.166.074 | 5.520.496.549 | 102 |
| 5 | <i>CP Quản lý DN</i> | <i>15.518.161.372</i> | <i>14.417.203.006</i> | 108 |
| | <i>Khấu hao TSCĐ</i> | <i>383.925.605</i> | <i>661.621.790</i> | 58 |
| | Lương LĐQL + khối văn phòng | 8.758.467.800 | 8.016.831.009 | 109 |
| | CP CTP+ĂC và các CP khác khối QL | 6.375.767.967 | 5.738.750.207 | 111 |
| 6 | <i>CP HĐ tài chính</i> | <i>0</i> | <i>0</i> | |
| 7 | <i>CP khác</i> | <i>13.394.332</i> | <i>68.296.515</i> | |
| 8 | <i>CP mua nước của DNP</i> | <i>43.194.096.352</i> | <i>29.513.437.310</i> | 146 |
| VII | TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ | 11.190.198.850 | 7.085.119.623 | 158 |
| VIII | THUẾ TNDN | 1.568.503.046 | 1.527.473.736 | 103 |
| IX | LỢI NHUẬN SAU THUẾ | 9.621.695.804 | 5.557.645.887 | 173 |
| B | BÁO CÁO CÁC QUỸ CỦA DN | 3.258.825.704 | 3.079.047.543 | 106 |
| 1 | Quỹ đầu tư phát triển | 881.673.248 | 881.673.248 | 100 |
| 2 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 2.377.152.456 | 2.197.374.295 | 108 |
| C | BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN | 44.541.764.900 | 41.792.140.698 | 107 |
| D | CÁC KHOẢN NỢ NGÂN SÁCH | 13.838.486.462 | 15.528.309.785 | 89 |

| | | | | |
|----------|--|------------------------|------------------------|------------|
| 1 | Thuế GTGT | 612.588.849 | 82.051.000 | |
| 2 | Thuế TNDN | 1.419.769.921 | 2.343.469.679 | 61 |
| 3 | Thuế Tài nguyên | 211.884.528 | 258.478.355 | 82 |
| 4 | Thuế thu nhập cá nhân | 440.690.448 | 166.650.584 | 264 |
| 5 | Phí nước thải | 9.128.732.166 | 8.792.629.958 | 104 |
| 6 | Phí cấp quyền khai thác TN nước | 171.492.398 | 400.305.542 | 43 |
| 7 | Cổ tức nộp NSNN | 1.841.993.551 | 3.475.041.558 | 53 |
| 8 | Các loại thuế khác | 11.334.601 | 9.683.109 | 117 |
| E | BÁO CÁO TÀI SẢN | | | |
| 1 | Nguyên giá | 284.818.635.091 | 273.728.644.401 | 104 |
| 2 | Khấu hao lũy kế | 201.954.818.846 | 190.620.320.088 | 106 |
| 3 | Giá trị còn lại | 82.863.816.245 | 83.108.324.313 | 100 |
| F | BÁO CÁO VỐN CHỦ SỞ HỮU | 190.084.308.597 | 185.998.691.708 | 102 |
| 1 | Vốn điều lệ | 181.494.460.205 | 181.494.460.205 | 100 |
| 2 | Quỹ Đầu tư phát triển | 881.673.248 | 881.673.248 | 100 |
| 3 | Cổ tức được chia /18.149.446 cổ phần | 7.708.175.144 | 3.622.558.255 | 213 |
| G | CHI TRẢ CỔ TỨC (đồng /1 cổ phần) | 424 | 199 | 213 |
| H | MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH | | | |
| 1 | Nợ phải trả / Vốn CSH (%) | 20 | 18 | 112 |
| 2 | Nợ phải trả / Tổng Tài sản (%) | 17 | 15 | 110 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH (%) - ROE | 5,1 | 3,0 | 169 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế / Tổng Tài sản (%) - ROA | 4,2 | 2,5 | 166 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần (%) - ROS | 6,3 | 3,7 | 170 |

PHÒNG KẾ TOÁN


 Nguyễn Thị Phương Thảo

TỜ TRÌNH
VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận với nội dung như sau:

I. Phương án phân phối LN thực hiện năm 2020:

* Với kết quả hoạt động SXKD năm 2020, Hội đồng quản trị đề xuất thực hiện phương án phân phối lợi nhuận như sau:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Phân phối lợi nhuận |
|-----|--|-------|---------------------|
| 1 | Vốn điều lệ cuối năm | Trđ | 181.494 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế năm 2020 | Trđ | 9.621 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế năm 2020 dùng để phân phối | Trđ | 9.621 |
| 4 | Trích lập các quỹ từ LNST 2020: | | |
| | + Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20%) | Trđ | 1.924 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại năm 2020 sau khi trích lập các quỹ | Trđ | 7.697 |
| 6 | Chia cổ tức (toàn bộ số lợi nhuận còn lại) | Trđ | 7.697 |
| 7 | Tổng số cổ phần hiện có | cp | 18.149.446 |
| 8 | Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (4,24 %) | đ/1cp | 424 |

* Phương thức chi cổ tức: Chuyển khoản / tiền mặt

II. Đề xuất kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2021:

| ST | Chỉ tiêu | ĐVT | Phân phối lợi nhuận |
|----|---|------|---------------------|
| 1 | Vốn điều lệ cuối năm | Tr.đ | 181.494 |
| 2 | Tổng doanh thu, các khoản thu nhập | Tr.đ | 160.000 |
| 3 | Tổng chi phí | Tr.đ | 148.000 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 12.000 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đ | 9.600 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế năm 2021 dùng để phân phối (toàn bộ) | Tr.đ | 9.600 |

| | | | |
|---|---|--------|-------|
| 7 | Trích lập các quỹ từ LNST 2021 + Quỹ khen thưởng phúc lợi: (20%) LNST | Tr.đ | 1.920 |
| 8 | Chia cổ tức (toàn bộ số lợi nhuận còn lại) | Tr.đ | 7.680 |
| 9 | Tỷ lệ trả Cổ tức (4,23%) | đ/1 cp | 423 |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS; BGĐ;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu : VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hương Xuân Công

Số: 14 /BC-BKS-NSBG

Bắc Giang, ngày 15 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG THƯỜNG NIÊN 2021

Kính gửi: Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang.

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát Công ty cổ phần nước sạch Bắc Giang báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2021, cụ thể như sau:

A. Hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả kiểm tra năm 2020:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định tại luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát cụ thể:

- Ban kiểm soát tập trung kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và đầu tư của Công ty;

- Kiểm tra, rà soát Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ trong năm 2020, đánh giá chi tiết những chỉ tiêu đạt được và chưa đạt được, có phân tích nguyên nhân cụ thể.

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty.

- Ban kiểm soát Công ty đã kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty, tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả SXKD và đầu tư, từ đó đề xuất kiến nghị kịp thời với Công ty.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm 2020, có ý kiến đóng góp đảm bảo báo cáo được lập đúng quy trình, chuẩn mực, phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.

Qua thời gian hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Ban kiểm soát nhận thấy đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

II. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2020

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh do Công ty cung cấp, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét, đánh giá như sau:

1. Công tác quản lý và điều hành của HĐQT và Ban điều hành trong năm 2020.

Ban kiểm soát nhận định HĐQT và Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý trong năm 2019 đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý hiện hành, cụ thể:

- HĐQT đã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ kịp thời. Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty.

- Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và quyền hạn của HĐQT có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Chủ động nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư. Công tác thu hồi công nợ của khách hàng kịp thời, đầy đủ. Công tác thanh toán nợ cho các nhà cung cấp đúng hạn, khả năng thanh toán nhanh tốt, hệ số nợ hợp lý.

- Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

- Công tác quản lý thực hiện đầu tư theo đúng quy định.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các mục tiêu kế hoạch chính năm 2020

2.1. Về quản lý tài sản:

Công ty đã thực hiện quản lý và theo dõi tài sản cố định chi tiết theo từng loại tài sản, thực hiện trích khấu hao theo đúng quy định. Cuối năm thực hiện kiểm kê và lập biên bản kiểm kê chi tiết, đầy đủ.

| | |
|---|------------------|
| Giá trị nguyên giá TSCĐ đến ngày 31/12/2020: | 285.398.413.068đ |
| Số khấu hao lũy kế đến ngày 31/12/2020: | 202.534.596.823đ |
| Giá trị còn lại theo sổ sách đến ngày 31/12/2020: | 82.863.816.245đ |

2.2. Về quản lý công nợ:

- Công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2020: Công nợ được theo dõi chặt chẽ, cụ thể theo từng đối tượng, thời hạn thanh toán.

- Đối với nợ phải thu: **23.592.666.450đ** trong đó bao gồm:

| | |
|--|-----------------|
| + Phải thu tiền nước, tiền công trình, thu khác: | 736.498.033đ |
| + Tiền ứng trước cho nhà cung cấp, nhà thầu: | 21.935.034.017đ |
| + Tiền tạm ứng công tác, phải thu ngắn hạn khác: | 1.123.381.400đ |
| + Phải thu ngắn hạn khó đòi | |

(202.247.000đ)

- Đối với nợ phải trả: **33.584.142.291đ** trong đó bao gồm:

| | |
|--|-----------------|
| + Phải trả người bán ngắn hạn: | 6.233.788.334đ |
| + Người mua trả tiền trước ngắn hạn: | 30.000.000đ |
| + Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: | 1.157.048.251đ |
| + Phải trả NLD (Thuởng tết và các khoản khác): | 14.134.008.000đ |
| + CP phải trả ngắn hạn: | 14.483.145.250đ |
| + Phải trả nhà cung cấp, phải trả khác: | 169.000.000đ |

+ Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020:

2.377.152.456đ

2.3. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020

| STT | Chỉ tiêu | Năm nay | Năm trước | Tỷ lệ (%) |
|------------|---------------------------------|------------------------|------------------------|-----------|
| I | Tổng DT và thu nhập khác | 158.219.083.884 | 155.536.261.737 | 101,7 |
| I.1 | Doanh thu HĐTC | 5.199.178.732 | 5.273.409.051 | 98,5 |
| I.2 | Thu nhập khác | 1.175.644.193 | 1.061.178.099 | 110,7 |
| I.3 | DT thuần về bán hàng và dịch vụ | 151.844.260.959 | 149.201.674.587 | 101,7 |
| II | Tổng chi phí | 147.028.885.034 | 148.451.142.114 | 99 |
| II.1 | Giá vốn hàng bán | 101.170.605.315 | 99.457.725.920 | 101,7 |
| II.2 | Chi phí bán hàng | 30.326.724.015 | 34.507.916.673 | 87,8 |
| II.3 | Chi phí quản lý DN | 15.518.161.372 | 14.417.203.006 | 107,6 |
| II.4 | Chi phí hoạt động TC | | | |
| II.5 | Chi phí khác | 13.394.332 | 68.296.515 | 19,6 |
| III | Lợi nhuận trước thuế | 11.190.198.850 | 7.085.119.623 | 157,9 |
| III.1 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.568.503.046 | 1.527.473.736 | 102,6 |
| III.2 | Lợi nhuận sau thuế | 9.621.695.804 | 5.557.645.887 | 173,1 |
| IV | Nộp NSNN | 13.838.486.462 | 15.038.444.785 | 92 |

Quỹ tiền lương thực hiện: **44.541.764.900đ**

Trong năm 2020, Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động SXKD của Công ty.

2.4. Công tác đầu tư:

Bám sát vào nhiệm vụ chung của Công ty và tình hình phát triển đô thị, phát triển kinh tế của Thành phố Bắc Giang. Ban lãnh đạo đã xây dựng kế hoạch với giá trị là 31,6 tỷ đồng, kết quả đạt 27 tỷ đồng đạt 85,44% kế hoạch năm.

Cụ thể:

1. Xây dựng, cải tạo mạng lưới cấp nước, đường ống: 26 tỷ đồng
 - Đường ống CN dọc đường 293 vào thôn Văn Sơn đến ngã tư đường vào lãng Chỗ 500 Tr.đồng
 - Đường ống CN bổ sung Song mai từ trạm Bơm TA đến cầu treo bên Tổng 07 tỷ đồng
 - Lắp đặt đồng hồ tổng 05 Tỷ đồng
 - Thay thế ống thép tráng kẽm bằng ống HDPE trên mạng cấp nước TP Bắc Giang, thay thế đồng hồ cũ D15 10 tỷ đồng
 - Tuyến ống D 200 cấp nước cụm Công nghiệp Khải Hồng - Lục Nam 3,5 tỷ đồng
2. Mua vật tư dự phòng sửa chữa tại Nhà máy 01 Tỷ đồng

Các hạng mục thi công đảm bảo kỹ thuật và tiến độ, các công trình đều phát huy hiệu quả của công tác đầu tư, việc mua sắm vật tư hàng hóa theo đúng quy định của nhà nước.

2.5. Quan hệ cổ đông

Đánh giá chung: Trong năm 2020, với nỗ lực của HĐQT, Ban Giám đốc và sự đồng thuận của CBCNV, Công ty đã hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu đặt ra.

3. Về công tác kế toán và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

3.1. Công tác kế toán

Công ty quản lý và hạch toán công tác kế toán tuân thủ theo các Chuẩn mức kế toán, chế độ kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.

3.2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt.

III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc

- Giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2020, HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát.

B. Kế hoạch công tác năm 2021 của Ban kiểm soát:

I. Nhiệm vụ chung:

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- Trong năm 2021, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát định kỳ theo Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, lấy ngăn ngừa làm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, góp phần làm cho đơn vị ngày càng phát triển và đạt hiệu quả SXKD cao, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, quyền lợi của người lao động.

II. Nhiệm vụ cụ thể năm 2021:

- Ổn định công tác tổ chức nhân sự ngay sau Đại hội.

- Tổ chức họp định kỳ, phân công cụ thể và hợp lý công việc của các thành viên trong Ban kiểm soát, phụ trách kiểm soát hoạt động quản trị, điều hành và SXKD của Công ty.

- Kiểm soát tình hình SXKD hằng năm của Công ty đã được Đại hội cổ đông phê chuẩn, soát xét Báo cáo tài chính hằng năm.

Nơi nhận:

- HĐQT, BGD;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu: VT, Hồ sơ ĐH.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số: 15/BC-BKS-NSBG

Bắc Giang, ngày 15 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NHIỆM KỲ 2016-2020**

Kính gửi: Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang;
Căn cứ Chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang nhiệm kỳ 2016-2020 xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về các nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát nhiệm kỳ này được Đại hội đồng cổ đông ngày 13 tháng 11 năm 2015 thống nhất bầu với các thành viên gồm:

- Bà: Nguyễn Thị Thanh Thủy - Trưởng ban Kiểm soát.
- Bà: Vũ Thị Thúy - Thành viên Ban kiểm soát.
- Bà: Hoàng Thị Thảo - Thành viên Ban kiểm soát.

Kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Cụ thể:

1 - Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát; Hằng năm lập kế hoạch công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.

2 - Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để triển khai các nhiệm vụ của Ban kiểm soát: Kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận của HĐQT và Ban giám đốc, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh hàng năm theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3 - Tổ chức kiểm soát, đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc. Giám sát việc ban hành, triển khai và kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT và Ban giám đốc đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

4 - Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT khi được yêu cầu; Nắm bắt thông tin kịp thời để đánh giá về việc thực thi các Nghị quyết của HĐQT, của Ban giám đốc và tham gia ý kiến, đề xuất các khuyến nghị đối với HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty để hoàn thiện quy trình quản trị trong Công ty.

5 - Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Tổ chức kiểm tra, kiểm soát công tác Tài chính, kế toán và công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

6 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo 6 tháng và báo cáo tài chính của Công ty hằng năm đã được soát xét và kiểm toán bởi các công ty kiểm toán uy tín.

7 - Theo dõi, giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật với Công ty đại chúng.

Qua thời gian cả nhiệm kỳ hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Ban kiểm soát nhận thấy đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

II. Kết quả hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát:

1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

Báo cáo kết quả kinh doanh nhiệm kỳ 2016 - 2020

ĐVT: triệu đồng

| Năm | Doanh thu | | | Lợi nhuận trước thuế | | |
|------|-----------|-----------|----------------------|----------------------|-----------|----------------------|
| | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ (%) hoàn thành | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ (%) hoàn thành |
| 2016 | 85.500 | 92.822,9 | 108,5 | 4.500 | 4.756,4 | 105,6 |
| 2017 | 115.500 | 118.753,9 | 102,8 | 5.500 | 7.138,7 | 129,7 |
| 2018 | 124.000 | 128.596,6 | 103,7 | 8.000 | 8.045,1 | 100,5 |
| 2019 | 145.500 | 155.536,2 | 107,2 | 4.000 | 7.085,1 | 177,1 |
| 2020 | 156.000 | 158.236,2 | 101,4 | 7.000 | 11.190,1 | 159,8 |

2. Tình hình tài chính, kế toán của Công ty:

Báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu:

- Tại thời điểm chuyển đổi mô hình từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 1763/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2015:

Vốn điều lệ: 181.494.460.000đ

Cổ phần: 18.149.446 cổ phần trong đó vốn nhà nước chiếm 85,86% tương đương 15.583.146 CP, cổ đông chiếm 14,14% tương đương 2.566.300CP

- Thoái vốn lần 2 theo Quyết định 1705/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt giá khởi điểm và phương án chuyển nhượng vốn nhà nước tại Công ty.

Trong đó nhà nước chiếm 51% tương đương 9.256.249 CP, cổ đông chiếm 49% tương đương 8.893.217CP

Báo cáo chi trả cổ tức:

- Năm 2016: cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 1,36% tính trên vốn điều lệ
- Năm 2017: cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 1,73% tính trên vốn điều lệ
- Năm 2018: cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 2,24% tính trên vốn điều lệ
- Năm 2019: cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 1,99% tính trên vốn điều lệ
- Năm 2020: cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 4,24% tính trên vốn điều lệ

Thực hiện chi trả thù lao HĐQT và BKS đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và hạch toán đúng quy định hiện hành.

Chỉ định Công ty kiểm toán độc lập: theo Nghị quyết hàng năm của Đại hội đồng cổ đông, BKS cùng với HĐQT đã được chọn lựa dựa trên các tiêu chuẩn về chuyên môn, tính chuyên nghiệp, nguồn lực và chi phí phải trả.

Hoạt động quản lý tài chính của HĐQT luôn được chú trọng, đảm bảo các nguyên tắc tài chính, tính minh bạch, công khai tuân thủ các quy định của pháp luật và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

3. Công tác quản trị và điều hành:

- Về nhân sự HĐQT:

+ Tại ĐHCĐ ngày 13 tháng 11 năm 2015 đã bầu HĐQT gồm 5 thành viên:

1. Ông Hướng Xuân Công – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trần Đăng Điều – Thành viên
3. Ông Lê Ngọc Duyên – Thành viên
4. Ông Phạm Hùng – Thành viên
5. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Thành viên

+ Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-HQĐT-NSBG ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT và Giải tỏa cổ phần đối với ông Phạm Hùng. Ông Phạm Hùng qua đời do mắc bệnh hiểm nghèo. Căn cứ vào tình hình thực tiễn cũng như các điều kiện khách quan, chủ quan khác Công ty không bầu bổ sung ủy viên HĐQT mà từ đó đến nay hoạt động với 4 thành viên.

1. Ông Hướng Xuân Công – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trần Đăng Điều – Thành viên
3. Ông Lê Ngọc Duyên – Thành viên
4. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Thành viên

- HĐQT và Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý có tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và cẩn trọng trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo nghiêm túc theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- HĐQT họp thường kỳ đầy đủ, các thành viên của HĐQT có sự thống nhất cao. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT, đồng thời đáp ứng yêu cầu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong nhiệm kỳ 2016-2020, BKS không nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

- Đảm bảo thu nhập cho người lao động ổn định. Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước cũng như các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

- Trong nhiệm kỳ 2016-2020 HĐQT và Ban Giám đốc đã có những định hướng đúng đắn hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung nguồn lực cho việc đầu tư: Cải tạo bể lắng ngang thành bể lắng Lamen (Nâng cao chất lượng nước); Cấp nước cho 100% các xã nội và ngoại thị khu vực: Giai đoạn 2016-2020 đã cấp nước khu vực Đồng Sơn, Tân Tiến, Song Mai, Dĩnh Kế, Dĩnh Trì, cấp nước xã Hương Gián huyện Yên Dũng và một phần xã Xuân Hương huyện Lạng Giang; Hệ thống Scada giám sát và điều khiển tự động tại các khu vực khai thác, xử lý nước; Lắp đặt hệ thống van giảm áp, đồng hồ điện từ, đồng hồ siêu âm, logger trên hệ thống đường ống nhằm theo dõi lưu lượng và áp lực, nâng cao khả năng giám sát vận hành đường ống cấp nước, giảm thất thoát nước sạch; Cải tạo Trạm bơm cấp nước Tân An; Đầu tư một số tuyến ống lớn: Tuyến ống CN bổ sung từ Trạm bơm 1 về Khu xử lý; Tuyến ống D 200 cấp nước bổ sung cho xã Song Mai; Tuyến ống D300 cấp nước cho KCN Đình Trám; Tuyến ống D400 CN khu đô thị phía Nam; Tuyến ống D 300 CN bổ sung cho thị trấn Tân An và Hương Gián; Tuyến ống truyền tải 2... với số tiền 177,48 tỷ đồng đảm bảo việc đầu tư xuất phát từ yêu cầu thực tiễn cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh.

III. Kết luận:

- Các hoạt động của Công ty trong nhiệm kỳ 2016 – 2020 tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.

- Ban kiểm soát nhất trí với báo cáo kết quả hoạt động SXKD nhiệm kỳ 2016-2020.

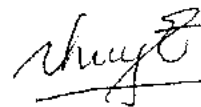
Trên đây là báo cáo của BKS nhiệm kỳ 2016 - 2020, kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Thay mặt BKS cảm ơn quý vị cổ đông đã tin tưởng giao cho chúng tôi nhiệm vụ kiểm soát hoạt động của Công ty trong thời gian vừa qua, cảm ơn HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã hỗ trợ cho BKS thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của mình trong suốt nhiệm kỳ.

Nơi nhận:

- HĐQT, BGD;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu: VT, Hồ sơ ĐH.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số: 09/BC-HĐQT-NSBG

Bắc Giang, ngày 15 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

**Về thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và
Thư ký không chuyên trách năm 2020, Phương hướng thù lao năm 2021.**

Kính gửi: Cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020, đề xuất phương án về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Thư ký không chuyên trách năm 2021 như sau:

1. Thù lao thành viên HĐQT, BKS, thư ký năm 2020.

Mức chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS và Thư ký được chi trả theo mức phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết số 17/NQ-ĐHCĐTN-NSBG ngày 28 tháng 6 năm 2020 về việc thông qua phương án trả thù lao không chuyên trách của thành viên HĐQT, BKS, Thư ký.

Mức chi trả cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------|-----------------------|
| - Thành viên HĐQT: | 2,0 triệu đồng/ tháng |
| - Trưởng Ban kiểm soát: | 1,2 triệu đồng/ tháng |
| - Thành viên Ban kiểm soát: | 1,0 triệu đồng/ tháng |
| - Thư ký Công ty: | 1,0 triệu đồng/ tháng |

2. Phương án trả thù lao thành viên HĐQT, BKS, Thư ký năm 2021

Căn cứ vào phương án sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức thù lao của thành viên HĐQT, BKS, thư ký không chuyên trách năm 2021 như sau:

- | | |
|-----------------------------|-----------------------|
| - Thành viên HĐQT: | 3,0 triệu đồng/ tháng |
| - Trưởng Ban kiểm soát: | 2,0 triệu đồng/ tháng |
| - Thành viên Ban kiểm soát: | 1,5 triệu đồng/ tháng |
| - Thư ký Công ty: | 1,5 triệu đồng/ tháng |

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Cổ đông C.ty;
- Lưu: VT, hồ sơ ĐH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hương Xuân Công

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2021

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP Nước sạch Bắc Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang

Để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, Ban tổ chức họp Đại hội đồng thường niên Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2021 như sau :

1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có chức năng theo quy định của pháp luật;
- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất :

Để công tác kiểm toán tài chính năm 2021 được thuận lợi, trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán thỏa mãn tiêu chí và thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chọn 01 đơn vị kiểm toán phù hợp trong danh sách bao gồm:

Công ty TNHH kiểm toán & Tư vấn Chuẩn Việt

Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam

Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Trong trường hợp đơn vị kiểm toán nêu trên không được tham gia cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các công ty đại chúng năm 2021 theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước hoặc theo các điều kiện khác quan khác. Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán khác được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện dịch vụ kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Cổ đông C.ty;
- Lưu: VT, hồ sơ ĐH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Hương Xuân Công

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang;

Bản Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đã được Ban kiểm soát xây dựng tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 116/2020/TT-BTC cùng các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty đã được đăng lên Website Công ty tại địa chỉ: www.bacgiangwsc.com.vn từ ngày 30/3/2021 cho các cổ đông tham khảo và cho ý kiến.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Cổ đông C.ty;
- Lưu:VT, hồ sơ ĐH./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

TỜ TRÌNH

**Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
nhiệm kỳ 2016-2020**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Nước sạch Bắc Giang.

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang;

Căn cứ vào nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020 do hết nhiệm kỳ để bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới.

I. Miễn nhiệm thành viên HĐQT gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Ông: Hường Xuân Công - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trần Đăng Điều - Thành viên HĐQT
3. Ông: Lê Ngọc Duyên - Thành viên HĐQT
4. Bà: Nguyễn Thị Phương Thảo - Thành viên HĐQT

II. Miễn nhiệm thành viên BKS gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Bà: Nguyễn Thị Thanh Thủy - Trưởng Ban kiểm soát
2. Bà: Vũ Thị Thúy - Thành viên BKS
3. Bà: Hoàng Thị Thảo - Thành viên BKS

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Cổ đông C.ty;
- Lưu: VT, hồ sơ ĐH.



Hường Xuân Công

CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH BẮC GIANG
ĐẠI HỘI NHIỆM KỲ 2021-2016

DANH SÁCH ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HĐQT, BKS NHIỆM KỲ 2021-2026

I. Danh sách ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

| TT | Họ và Tên | Trình độ | Chức vụ/Đơn vị Công tác |
|----|------------------------|--------------------------------|---|
| 1 | Hương Xuân Công | Thạc sỹ Quản lý Xây dựng | Nguyên Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Nước sạch Bắc Giang. |
| 2 | Ngô Thành Chung | Thạc sỹ Kinh tế ứng dụng | - Chủ tịch HĐQT Cty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP-Bắc Giang. - Phó tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư ngành nước. - TV HĐQT C.ty CP SXKD nước sạch số 3 Hà Nội. - TV HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình. |
| 3 | Trần Đăng Điều | Thạc sỹ Quản lý Kinh tế | Giám đốc điều hành C.ty CP Nước sạch Bắc Giang |
| 4 | Lê Ngọc Duyên | Kỹ sư CTN | Phó Giám đốc C.ty CP Nước sạch Bắc Giang |
| 5 | Nguyễn Thị Phương Thảo | Cử nhân Kinh tế | Trưởng phòng Kế toán C.ty CP Nước sạch Bắc Giang |

II. Danh sách ứng cử, đề cử thành viên BKS

| TT | Họ và Tên | Trình độ | Đơn vị Công tác |
|----|-----------------------|--------------------------------|---|
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | Cử nhân Kinh tế | Phó phòng Kinh doanh – Công ty CP Nước sạch Bắc Giang. |
| 2 | Vũ Thị Thúy | Cử nhân Khoa học Quản lý | Nhân viên Phòng TC-HC Công ty CP Nước sạch Bắc Giang. |
| 3 | Nguyễn Hồng Oanh | Thạc sỹ Kinh tế | - TV BKS nội bộ trực thuộc HĐQT, C. ty CP nhựa Đồng Nai. - Trưởng phòng Kiểm soát tài chính C. ty CP Đầu tư Ngành nước DNP |

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2021
BAN TỔ CHỨC

Số: 13 /TT-HĐQT-NSBG

Bắc Giang, ngày 15 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH TỔNG HỢP

Về các nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang;
Căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và các báo cáo, tờ trình. tại Đại hội.

HĐQT Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung sau:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo của HĐQT, Ban Giám đốc và BKS.

*** Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận 2021**

- Tổng doanh thu: 160 tỷ đồng

- Doanh thu nước:

• Khu vực Bắc Giang: 155,160 tỷ đồng (bao gồm cả thuế)

• Khu vực Lục Nam: 4,716 tỷ đồng (bao gồm cả thuế)

- Nước thương phẩm:

• Khu vực Bắc Giang: 14,150 triệu m³

• Khu vực Lục Nam 483 nghìn m³

- Thất thoát mạng:

• Khu vực Bắc Giang: 13 %

• Khu vực Lục Nam: 17 %

Nội dung 2: Thông qua Phê duyệt đầu tư Dự án “ Mở rộng cấp nước cho một số xã của các huyện Việt Yên; Tân Yên tỉnh Bắc Giang”

- Tổng giá trị dự kiến: 90 tỷ đồng bằng 39,5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính; Thời gian thực hiện 3 năm.

Căn cứ vào quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội nghị cho biểu quyết.

Nội dung 3: Thông qua việc tiếp tục mua buôn nước của Công ty CP đầu tư hạ tầng nước DNP-Bắc Giang theo HĐ 14/2018/HĐMB/DNP- Bắc Giang.

Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức 2021.

- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2020 là: 9.621.695.804 đồng.

Trong đó:

+ Trích 20% quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1,924 tỷ đồng

+ Chi trả cổ tức: 7,697 tỷ đồng

+ Cổ tức trên mỗi cổ phiếu: 242 đồng

- Lợi nhuận năm 2020 còn lại sau khi đã phân phối: Không

*** Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:**

Căn cứ vào tình hình SXKD hiện nay và dự báo tình hình của năm 2021. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch năm 2021 như sau:

| | | |
|-----------------------------------|-------|---------|
| - Lợi nhuận trước thuế: | 12 | tỷ đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế: | 9,6 | tỷ đồng |
| + Trích lập các quỹ từ LNST(20%): | 1,920 | tỷ đồng |
| + Chi trả cổ tức: | 7,680 | tỷ đồng |
| - Cổ tức trên mỗi cổ phiếu: | 423 | đồng |

Nội dung 5: Báo cáo thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký năm 2021.

*** Thù lao đã chi trả năm 2020:**

| | | |
|-----------------------------|-----|-------------------|
| - Thành viên HĐQT: | 2,0 | triệu đồng/ tháng |
| - Trưởng Ban kiểm soát: | 1,2 | triệu đồng/ tháng |
| - Thành viên Ban kiểm soát: | 1,0 | triệu đồng/ tháng |
| - Thư ký Công ty: | 1,0 | triệu đồng/ tháng |

*** Kế hoạch chi trả thù lao năm 2021:**

| | | |
|-----------------------------|-----|-------------------|
| - Thành viên HĐQT: | 3,0 | triệu đồng/ tháng |
| - Trưởng Ban kiểm soát: | 2,0 | triệu đồng/ tháng |
| - Thành viên Ban kiểm soát: | 1,5 | triệu đồng/ tháng |
| - Thư ký Công ty: | 1,5 | triệu đồng/ tháng |

Nội dung 6: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, hiệu lực 01/01/2021, Thông tư 116/2020/TT-BTC về hướng dẫn xây dựng Điều lệ mẫu. Công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động để đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Nội dung 7: Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Để đảm bảo các hoạt động của Công ty được thực hiện theo đúng Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và phù hợp với các quy định mới. Công ty xây dựng 02 Quy chế trình đại hội thông qua.

Nội dung 8: Thông qua quy chế hoạt động của BKS.

Căn cứ vào Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung và các quy định của Pháp luật, Ban kiểm soát xây dựng Quy chế hoạt động cho BKS và từng thành viên BKS, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về quyết định và công việc của BKS.

Nội dung 9: Thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016-2020.

Căn cứ vào nghị quyết của ĐHĐCĐ lần thứ nhất, nhiệm kỳ của các thành viên HĐQT và BKS đã hết nhiệm kỳ. Để chuẩn bị cho công tác bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026, Đại hội thông qua miễn nhiệm các thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016-2020.

Nội dung 10: Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán.

HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 là đơn vị kiểm toán có tên trong danh sách được Bộ Tài chính hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp phép kiểm toán.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Cổ đông Cty;
- Lưu: VT, hồ sơ ĐH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Hương Xuân Công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Bắc Giang, năm 2021

MỤC LỤC
Chương I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Điều 1. Giải thích thuật ngữ
- Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty
- Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty
- Điều 4. Tổ chức chính trị - xã hội.

Chương II
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty
- Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Chương III
VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

- Điều 7. Vốn điều lệ
- Điều 8. Cổ phần
- Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu
- Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác
- Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần
- Điều 12. Thu hồi cổ phần

Chương IV
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

- Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Chương V
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Điều 14. Quyền của cổ đông
- Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông
- Điều 16. Đại hội đồng cổ đông
- Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông
- Điều 18. Đại diện theo ủy quyền
- Điều 19. Thay đổi các quyền
- Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông
- Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
- Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
- Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Chương VI

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị
- Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
- Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
- Điều 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị
- Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị
- Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty

Chương VII

GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

- Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý
- Điều 36. Người điều hành doanh nghiệp
- Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

Chương VIII

BAN KIỂM SOÁT

- Điều 38. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên
- Điều 39. Kiểm soát viên
- Điều 40. Ban kiểm soát

Chương IX

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

- Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng
- Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
- Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Chương X

LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

- Điều 44. Lao động và công đoàn

Chương XI

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, KIỂM TOÁN

- Điều 45. Tài khoản ngân hàng
- Điều 46. Năm tài chính
- Điều 47. Chế độ kế toán
- Điều 48. Phân phối lợi nhuận
- Điều 49. Trả cổ tức
- Điều 50. Kiểm toán
- Điều 51. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

Chương XII

CÁC BÁO CÁO VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

Điều 53. Báo cáo thường niên

Điều 54. Trình báo cáo hằng năm

Điều 55. Công khai thông tin

Chương XIII

CON DẤU, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, TRANH CHẤP

Điều 56. Con dấu

Điều 57. Chấm dứt hoạt động

Điều 58. Gia hạn hoạt động

Điều 59. Thanh lý

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Chương XIV

BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ, NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Sửa đổi Điều lệ

Điều 62. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ 3 của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 vào ngày 24./4./2021.

Căn cứ pháp lý để xây dựng Điều lệ là: Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29/11/2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành đang có hiệu lực.

Các phụ lục của Điều lệ này và các văn bản sửa đổi Điều lệ là một phần không thể tách rời của Điều lệ. Điều lệ này và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bản Điều lệ này cùng với các quy định của hệ thống pháp luật Nhà nước sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 8 Điều lệ này;

1.2. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

1.3. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2019;

1.4. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

1.5. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

1.6. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;

Cụ thể là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

đ) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

1.7. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán: là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành.

1.8. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

1.9. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

1.10. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

1.11. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp. Cụ thể: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên.

1.1. Tên Công ty bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

1.2.. Tên tiếng Việt viết tắt: CÔNG TY NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

1.3. Tên Công ty bằng tiếng Anh:

BAC GIANG CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY

2. Hình thức: Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 386, đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Điện thoại: (0204) 3.855.757

- Fax: (0204) 3.554. 717

- Email: capnuocbg@gmail.com

- Website: bacgiangwsc.com.vn

Việc di dời trụ sở đi nơi khác (nếu có) sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang là công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 56 Điều lệ này. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty.

Điều 4. Tổ chức chính trị - xã hội.

1. Tổ chức Chính trị - Xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 điều này.

Chương II

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của công ty là:

1.1. Công ty được thành lập để đầu tư sản xuất kinh doanh

1.2. Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động và đóng góp cho ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 1 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành cấp thoát nước | 4663 |
| 2 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn lập dự án, thiết kế, thẩm định và giám sát thi công công trình cấp thoát nước | 7110 |
| 3 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |

| | | |
|----|---|--------------|
| 4 | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 3600 (Chính) |
| 5 | Xây dựng nhà để ở | 4101 |
| 6 | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Kiểm nghiệm chất lượng nước - Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh | 7120 |
| 7 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước | 4322 |
| 8 | Xây dựng nhà không để ở | 4102 |
| 9 | Xây dựng công trình cấp, thoát nước | 4222 |
| 10 | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc | 4223 |
| 11 | Xây dựng công trình công ích khác | 4229 |
| 12 | Xây dựng công trình thủy | 4291 |
| 13 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4299 |
| 14 | Phá dỡ | 4311 |
| 15 | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |
| 16 | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai | 1104 |
| 17 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất phèn đơn phục vụ cho xử lý nước sạch | 3290 |
| 18 | Xây dựng công trình điện | 4221 |
| 19 | Xây dựng công trình đường bộ | 4212 |

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương III VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 7. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam (VND).

Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là: 181.494.460.000 đồng.

(Một trăm tám mươi một tỷ, bốn trăm chín mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi Điều lệ Công ty, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh hoặc trường hợp chia tài sản của Công ty khi giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cổ phần

1. Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

2. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty được chia thành 18.149.446 cổ phần. Mỗi cổ phần trị giá 10.000VND.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 14, Điều 15 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Cổ phần mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty bị hạn chế chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng phải được HĐQT đồng ý. Cổ phần mua ưu đãi theo cam kết làm việc được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.
4. Cổ phần người lao động được mua với giá ưu đãi theo năm làm việc tại khu vực Nhà nước, người lao động phải nắm giữ và không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi.

Điều 12. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán [các khoản tiền có liên quan] và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 12% một năm), chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh, vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc điều hành.

Chương V

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- 2.1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - 2.2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.3. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - 2.4. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - 2.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - 2.6. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.7. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.8. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - 2.9. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;
 - 2.10. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - 2.11. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - 2.12. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - 2.13. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - 3.1. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;
 - 3.2. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

3.3. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

3.4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

2.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

2.2. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

2.3. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

2.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng

liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

8.1. Vi phạm pháp luật;

8.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

8.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

3.2. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

3.3. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

3.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

3.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

3.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm 3.3 khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm 3.4 và điểm 3.5 khoản 3 Điều này;

4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 4.1 khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 4.2 khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm 3.4 khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

1.1. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

1.2. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

1.3. Báo cáo của Ban kiểm soát;

1.4. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- 2.1. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - 2.2. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - 2.4. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết
 - 2.5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - 2.6. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - 2.7. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - 2.8. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - 2.9. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - 2.10. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - 1.11. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - 2.12. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - 2.13. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - 2.14. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - 2.15. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - 2.16. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - 2.17. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch cụ thể sau đây:
- a) Hợp đồng, giao dịch khác với những người có liên quan theo quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều 167 Luật DN;
 - b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ

đồng sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật doanh nghiệp.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

7.1. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2,3,4 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

7.2. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

8. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Đại diện theo ủy quyền.

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

2.2. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

2.3. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

4.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

4.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

4.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có

mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 và Điều 23 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm 4.2 hoặc điểm 4.3 khoản 4 Điều 16 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

2.3. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

2.4. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

2.5. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

2.6. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

2.7. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Nội dung thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

3.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

3.2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

3.3. Phiếu biểu quyết;

3.4. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

3.5. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;

5.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

5.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội,

cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 23. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp (được phép bầu dồn phiếu).

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng

cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

3.2. Mục đích lấy ý kiến;

3.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

3.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

5.1. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

5.2. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

6.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

6.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

6.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

6.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

6.5. Các vấn đề đã được thông qua;

6.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- 1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- 1.3. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- 1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- 1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- 1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- 1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- 1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- 1.9. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc

Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 23 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười (10) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VI **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1.1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

1.2. Trình độ học vấn;

1.3. Trình độ chuyên môn;

1.4. Quá trình công tác;

1.5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

1.6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

1.7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

1.8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

1.9. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ

30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

3.1. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

3.2. Có đơn từ chức;

3.3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

3.4. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

3.5. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

3.6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

3.7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để ổ
đồng.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- 2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - 2.2. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - 2.3. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - 2.4. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;
 - 2.5. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - 2.6. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - 2.7. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - 2.8. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - 2.9. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - 2.10. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - 2.11. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - 2.12. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - 2.13. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - 2.14. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.15. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
 - 2.16. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - 2.17. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- 3.1. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - 3.2. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - 3.3. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - 3.4. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - 3.5. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - 3.6. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - 3.7. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - 3.8. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - 3.9. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - 3.10. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó.

Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm [(05) ngày làm việc] trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

3.1. Ban kiểm soát;

3.2. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

3.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

3.4. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

3.5. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 32 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất [năm (05)] ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

9.1. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

9.2. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

11.1. Trừ quy định tại điểm 11.2 khoản 11 Điều 32 dưới đây, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

11.2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

11.3. Theo quy định tại điểm 11.4 khoản 11 Điều 32, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

11.4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm 5.1 và điểm 5.2 khoản 5 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

11.5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực

khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

2.1. Có hiểu biết về pháp luật;

2.2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

2.3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

4.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

4.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

4.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

4.4. Tham dự các cuộc họp;

4.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

4.6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

4.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

4.8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

4.9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương VII

GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 36. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp

b) Không được là Người có quan hệ gia đình của các đối tượng sau:

+ Người quản lý doanh nghiệp

+ Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ

+ Người đại diện phân vốn nhà nước

+ Người đại diện phân vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

3.1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- 3.2. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- 3.3. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- 3.4. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- 3.5. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- 3.6. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- 3.7. Vào ngày 10 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- 3.8. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- 3.9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Chương VIII BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ

50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 39. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty; Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

3.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

3.2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

3.3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- 4.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - 4.2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - 4.3. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - 4.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- 5.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - 5.2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - 5.3. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 5.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 40. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - 1.1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - 1.2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - 1.3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;
 - 1.4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - 1.5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - 1.6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - 1.7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Chương IX

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên

Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

5.1. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

5.2. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

5.3. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

3.1. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

3.2. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương X LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Lao động và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XI CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, KIỂM TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hàng năm.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty.

Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

4. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức cho cổ đông.

5. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Khi trả cổ tức bằng các dịch vụ tín dụng theo yêu cầu của cổ đông mà cổ đông đó không nhận được tiền do lỗi thông tin do cổ đông đó cung cấp, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền đã chuyển.

6. Hội đồng quản trị có thể quy định một ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của công ty cụ thể. Căn cứ theo ngày đó, những người có tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của cổ đông; mức cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

8. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 51. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII

CÁC BÁO CÁO VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của chế độ kế toán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán quy định của Luật chứng khoán.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, công bố thông tin với Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 53. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 54. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
2. Đối với công ty cổ phần mà pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hằng năm của công ty cổ phần phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
3. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

4. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 55. Công khai thông tin

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

a) Điều lệ công ty;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty;

c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty có trụ sở chính chậm nhất là 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số Hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số Hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

4. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Chương XIII

CON DẤU, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, TRANH CHẤP

Điều 56. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 57. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

1.1. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

1.2. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

1.3. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

1.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

3.1. Các chi phí thanh lý;

3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

3.3. Nợ thuế;

3.4. Các khoản nợ khác của Công ty;

3.5. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục 3.1 đến 3.4 trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

1.1. Cổ đông với Công ty;

1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XIV **BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ, NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 61. Sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 14 chương 62 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang nhất trí thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường Nhà văn Liên đoàn lao động Bắc Giang – số 68 Đ. Lê Hồng Phong, P. Xương Giang, Tp Bắc Giang và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

2.1. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

2.2. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

2.3. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu ba (03) thành viên Hội đồng quản trị./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


Hương Xuân Công

Bắc Giang, ngày 23 tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 17/NQ-ĐHĐCĐTN-NSBG ngày 21 tháng 04 năm 2021

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.



Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị,

Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

h) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn

không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại

hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại

hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên

Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV **CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng

quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2021./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG
TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thanh Thủy



Bắc Giang, ngày 23 tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 17/NQ-ĐHĐCĐTN-NSBG ngày 21 tháng 04 năm 2021

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc (Tổng giám đốc) tổ chức điều

hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty.

Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e). Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

f) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần

tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty

để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng

quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp

phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và

lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc



bản giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bản giao đó.

Điều 22. Môi quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Môi quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Môi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

**Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2021./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


Hương Xuân Công

Bắc Giang, ngày 23 tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

(Ban hành theo Nghị quyết 17 /NQ-ĐHĐCĐTN-NSBG ngày 21 / 4 /2021 của
Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021)

Căn cứ pháp lý:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2019;
Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi
tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 1. Điều khoản chung

Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty.

Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;
2. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
3. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
4. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên
5. Tiêu chuẩn lựa chọn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý;
6. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc
7. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
8. Ngăn ngừa xung đột lợi ích;
9. Báo cáo và công bố thông tin

Điều 2 : Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:
 - a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.
 - b. “Công ty”: là Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang
 - c. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua ở từng thời điểm.
 - d. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.

đ. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

e. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán, cụ thể như sau :

- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

- Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

- Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

f. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 56, Điều 3 Nghị định 155/2020/NĐ-CP: không phải là Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

h. “Cán bộ quản lý”: là Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

i. “Ban điều hành”: là Giám đốc và các Phó giám đốc.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, gồm các nội dung chính sau đây:

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được thực hiện bằng hình thức giấy mời gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện và đăng trên website của Công ty.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp (hoặc ủy quyền cho người khác) tham dự từ khi nhận được thông báo đến trước khi Đại hội đồng cổ đông khai mạc.

4. Cách thức bỏ phiếu: phiếu bầu (biểu quyết) được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết ghi trong phiếu phát cho mỗi cổ đông. Riêng việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

5. Cách thức kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu được tiến hành trình tự tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành sau cùng là số phiếu không có ý kiến.

6. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

7. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Việc yêu cầu này được thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp.

8. Việc lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật doanh nghiệp.

9. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

10. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản: theo quy định tại khoản 2 điều 147 Luật Doanh nghiệp (7 trường hợp).

11. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, HĐQT Công ty ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (*Phụ lục đính kèm*) và Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử để có cơ sở tổ chức ĐHĐCĐ trong thường họp cần thiết.

Điều 4. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, gồm các nội dung chính sau đây:

1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

- Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

- Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.

2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, cụ thể:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng Quản trị. Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 1 và 2 điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 5. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, gồm các nội dung chính sau đây:

Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị: Giấy mời họp Hội đồng Quản trị và tài liệu cuộc họp phải được gửi cho thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất năm (05) ngày. Tài liệu họp gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Giấy mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị đã được đăng ký tại Công ty.

2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

3. Cách thức biểu quyết: Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại điều 18 Điều lệ Công ty trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết trừ trường hợp quy định tại điểm 11.2. khoản 11 Điều 32 Điều lệ Công ty (thành

viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty trong nội dung biểu quyết).

4. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

5. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

6. Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được đăng trên website của Công ty chậm nhất 03 ngày kể từ ngày họp.

Điều 6. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên;

1.1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

1.2. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên:

Cổ đông đáp ứng đủ điều kiện có thể ứng cử bầu kiểm soát viên.

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên bầu vào Ban kiểm soát.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên.

3. Cách thức bầu Kiểm soát viên: được quy định như bầu thành viên HĐQT.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại điều 174 Luật Doanh nghiệp.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ quản lý, điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn của Giám đốc và điều kiện làm Giám đốc tuân thủ theo quy

định tại Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán- Thống kê Công ty.

a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 51 Luật Kế toán.

b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

- Đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm các cán bộ quản lý khác (Trưởng, phó phòng ban; ban, bộ phận)

Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm như tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó Giám đốc.

Điều 8. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ quản lý, điều hành doanh nghiệp

1. Bổ nhiệm Giám đốc:

Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Các thành viên Hội đồng Quản trị có thể đề cử ứng cử viên cho vị trí Giám đốc hoặc Hội đồng quản trị chọn một người khác làm Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng Quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt Công ty, ...) để lựa chọn người được bổ nhiệm.

2. Bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán - Thống kê và cán bộ quản lý khác:

Các chức vụ Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán - Thống kê và cán bộ quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Giám đốc.

3. Thời hạn (nhiệm kỳ) giữ chức vụ của các chức danh cán bộ quản lý.

Nhiệm kỳ của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

4. Bổ nhiệm lại chức vụ của cán bộ quản lý, điều hành

a. Khi cán bộ quản lý kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì Hội đồng quản trị phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng.

b. Điều kiện để bổ nhiệm lại:

- Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ;

- Phẩm chất đạo đức tốt;

- Không vi phạm pháp luật, chế độ, chính sách Nhà nước và các quy định của Công ty;

- Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ;

- Được cán bộ, công nhân lao động trong đơn vị tín nhiệm.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý, điều hành doanh nghiệp:

Cán bộ quản lý, điều hành doanh nghiệp vi phạm pháp luật bị án phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên hoặc 2 năm liền không hoàn thành nhiệm vụ thì bị miễn nhiệm.

Cán bộ quản lý, điều hành doanh nghiệp hết nhiệm kỳ qua thăm dò ý kiến cho thấy mức tín nhiệm thấp thì HĐQT xem xét không bổ nhiệm lại nữa.

Điều 10. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc gồm các nội dung chính sau đây:

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc:

- Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc tổ chức ít nhất 01 quý 01 lần. Chủ tọa cuộc họp là chủ tịch HĐQT.

- Giấy mời họp và tài liệu cuộc họp phải được gửi cho các thành viên trong thời hạn ít nhất năm (05) ngày. Tài liệu họp gồm: Chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan.

- Biên bản cuộc họp phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp, giám đốc, Chủ tọa kiểm soát và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản. Biên bản họp phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Biên bản cuộc họp phải được đăng trên website của Công ty chậm nhất 03 ngày kể từ ngày họp.

2. Giám đốc và Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi thấy có những nguy cơ có thể thiệt hại đến lợi ích của Công ty.

Giám đốc và Ban kiểm soát có thể xin ý kiến Hội đồng quản trị với những vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền quyết định của mình theo Điều lệ Công ty.

3. Giám đốc phải báo cáo với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao về các nội dung sau:

- Phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

4. Hàng quý, tại cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc, Giám đốc phải trình bày kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nghị quyết của HĐQT kỳ trước. Báo cáo kiểm điểm cần nêu rõ thuận lợi khó khăn, thành tích, hạn chế, biện pháp phát huy, khắc phục.

5. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng Quản trị trong thời gian gần nhất.

- Giám đốc phải báo cáo giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng kỳ trong năm và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

- Việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Giám đốc cụ thể như sau:

Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ. Hội đồng quản trị hoặc cá nhân thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tài liệu, giải trình cho Ban kiểm soát các vấn đề được Ban kiểm soát yêu cầu.

Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất của Công ty là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng Quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị

Điều 11. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác:

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng

thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc. Chủ tọa Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận của toàn công ty.

Việc phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- c. Hoàn thành nhiệm vụ.
- d. Không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

a. Chế độ khen thưởng: Bằng tiền hoặc hiện vật theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

b. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt.

c. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

3. Về kỷ luật đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác:

Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty đại chúng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại

chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 13. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 14. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp công ty đại chúng là tổ chức tín dụng.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

b) Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm c khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 15. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

2. Công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

Điều 16. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Công ty đại chúng phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nêu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận

một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 17. Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty

Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi.

Điều 18. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ 06 tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 19. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 20. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 12 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các đối tượng trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 21. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của công ty đại chúng có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

Điều 22. Điều khoản thi hành

Quy chế này bao gồm 22 điều đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua

ngày / /2021. Việc sửa đổi, bổ sung quy chế phải được trình và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Trưởng các phòng, ban, bộ phận thuộc Công ty có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc thi hành Quy chế này đến toàn thể cán bộ, công nhân viên toàn Công ty./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hương Xuân Công

PHỤ LỤC

QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN

(Ban hành kèm Quy chế quản trị nội bộ về quản trị Công ty ngày tháng năm 2021 của Hội đồng quản trị CTCP Nước sạch Bắc Giang)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây được gọi tắt là "Công ty Nước sạch Bắc Giang").

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội):** là cuộc họp đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

- **Tài khoản truy cập:** là tên đăng nhập và mật khẩu được gửi trong thư mời họp cho cổ đông để truy cập tham gia đại hội trực tuyến bỏ phiếu điện tử.

- **Bỏ phiếu điện tử:** là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử thông qua internet bằng hệ thống được xây dựng bởi Công ty Nước sạch Bắc Giang hoặc cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi là VSD) hoặc đơn vị khác cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử cho Công ty (sau đây gọi tắt là Đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử).

Điều 3: Điều kiện tổ chức Đại hội trực tuyến

Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp đại hội cổ đông theo hình thức trực tuyến thay vì tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông theo hình thức gặp mặt trực tiếp nếu đánh giá thấy việc tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông gặp mặt trực tiếp có thể không thực hiện được do dịch bệnh, quyết định của cơ quan quản lý nước có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến

4.1 Cổ đông có quyền tham dự Đại hội: Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham gia Đại hội.

4.2 Cổ đông sẽ được cung cấp tài khoản truy cập qua thư mời tham gia Đại hội và thực hiện việc bỏ phiếu điện tử. Tài khoản truy cập để tham gia Đại hội và bỏ phiếu điện tử có thể sử dụng cùng một tài khoản hoặc hai tài khoản riêng biệt.

4.3. Cổ đông được coi là tham dự Đại hội khi đáp ứng được các điều kiện sau đây:

- Cổ đông có quyền tham dự Đại hội trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử các vấn đề tại Đại hội.
- Thực hiện đăng nhập vào hệ thống qua tài khoản truy cập để tham dự họp trực tuyến và biểu quyết thông qua bỏ phiếu điện tử.

Các cổ đông không đáp ứng được các điều kiện để tham dự tại cuộc họp Đại hội trực tuyến được coi là không tham dự Đại hội. Tỷ lệ cổ đông dự họp được tính bằng số cổ đông tham dự Đại hội trên tổng số cổ đông có quyền tham dự Đại hội.

4.4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham gia Đại hội trực tuyến:

- Cổ đông đã tham dự Đại hội được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử. Cổ đông có thể theo dõi nội dung, diễn biến đại hội thông qua hệ thống phát truyền hình trực tuyến của Công ty và tham gia trao đổi, hỏi đáp trực tuyến về các vấn đề tại Đại hội theo chương trình Đại hội đã được thông qua.

- Cổ đông đăng nhập muộn sau khi Đại hội đã diễn ra có quyền tham gia và biểu quyết ngay đối với những nội dung chưa biểu quyết, nhưng hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

- Cổ đông có trách nhiệm bảo mật tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cung cấp để tham dự Đại hội để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Cổ đông công nhận kết quả bỏ phiếu thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử do Đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử cung cấp.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban hỗ trợ cổ đông

Ban hỗ trợ cổ đông gồm một (01) Chủ tọa và các ủy viên khác do Đại hội biểu quyết thông qua.

Ban hỗ trợ cổ đông có các nhiệm vụ:

- Tiếp nhận khiếu nại và hỗ trợ giải đáp các vấn đề cổ đông gặp phải trong quá trình đăng nhập để tham gia Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
- Tiếp nhận ý kiến phát biểu của cổ đông qua khung chat trực tuyến để chuyển cho Đoàn Chủ tịch.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban bầu cử và kiểm phiếu

Ban bầu cử và kiểm phiếu gồm một (01) Chủ tọa và các ủy viên khác do Đại hội biểu quyết thông qua.

Ban bầu cử và kiểm phiếu có các nhiệm vụ:

- Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cử động;
- Tiếp nhận kết quả kiểm phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu;
- Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội;
- Giao lại Biên bản và toàn bộ phiếu ghi nhận biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch

Đoàn Chủ tịch gồm một (01) Chủ tọa và một số thành viên do Đại hội biểu quyết thông qua.

Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ Chủ trì Đại hội; Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận; Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng biểu quyết; Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn đa số cử động, đại diện cử động tham dự

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký

Ban thư ký gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên. Ban thư ký có các nhiệm vụ:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cử động thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;
- Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội;
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cử động khi được yêu cầu.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

Điều 9. Tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cử động đã tham dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết căn cứ theo danh sách cử động được lập tại thời điểm triệu tập Đại hội.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

10.1 Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.

10.2 Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội.

Điều 11. Phát biểu ý kiến trong Đại hội

Đối với cổ đông tham dự đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử: cổ đông có thể đóng góp ý kiến, phát biểu về các nội dung của Đại hội thông qua màn hình trực tuyến khi có yêu cầu và được Đoàn Chủ tịch đại hội mời phát biểu hoặc chat với Ban hỗ trợ Đại hội. Ban hỗ trợ Đại hội sẽ chuyển cho Chủ tọa để xử lý. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 3 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

Điều 12. Nguyên tắc cổ đông tham gia bỏ phiếu

12.1 Nguyên tắc chung:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử tính theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông được cấp quyền biểu quyết theo số cổ phần được biểu quyết (sở hữu và đại diện) của cổ đông.

12.2 Phương thức biểu quyết:

Các vấn đề sau đây được thông qua bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử theo phương thức có ý kiến đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề: Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu; Thông qua Chương trình Đại hội; Thông qua Quy chế Đại hội, Thê lệ biểu quyết, Thê lệ bầu cử; Thông qua Nghị quyết Đại hội; Thông qua các quyết định được tại Đại hội....

12.3. Phương thức bầu cử:

Việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty được thực hiện bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử theo phương thức bầu dồn phiếu.

Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với Tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát do Đại hội thông qua.

Điều 13. Thực hiện bỏ phiếu điện tử

Trong trường hợp tài khoản truy cập cho hệ thống bỏ phiếu điện tử chung với tài khoản truy cập để tham dự Đại hội: Cổ đông thực hiện xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải trên hệ thống và thực hiện quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung cần biểu quyết.

Trong trường hợp tài khoản truy cập cho hệ thống bỏ phiếu điện tử riêng với tài khoản truy cập để tham dự Đại hội: Cổ đông sử dụng tài khoản truy cập cho hệ thống bỏ phiếu điện tử trực tiếp đăng nhập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử để xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải trên hệ thống và thực hiện quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung cần biểu quyết.

Điều 14. Kết quả bỏ phiếu điện tử

14.1. Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện bỏ phiếu điện tử được thống kê và tính toán bởi đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử hoặc hệ thống phần mềm của Công ty Nước sạch Bắc Giang.

14.2. Ban Bầu cử và kiểm phiếu là người tiếp nhận các thông tin kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu.

Điều 15. Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội

15.1. Các nghị quyết về các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

15.2. Các nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
- b) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán
- c) Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp
- d) Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán
- e) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty

15.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được Đại hội thông qua. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại quy chế bầu cử.

Điều 16. Biên bản cuộc họp Đại hội

16.1 Cuộc họp Đại hội phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- f) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- g) Thời gian và địa điểm họp Đại hội;
- h) Chương trình và nội dung cuộc họp;

i) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

16.2. Biên bản họp Đại hội phải hoàn thành xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

16.3. Đoàn chủ tọa và Ban thư ký Đại hội liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản Đại hội.

Biên bản họp Đại hội được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, việc gửi Biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biên bản họp Đại hội, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành công

17.1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 9 Quy chế này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu có quyền biểu quyết;

17.2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 18. Sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử tại VSD

Trong trường hợp Công ty Nước sạch Bắc Giang lựa chọn sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử tại VSD, Quy chế hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử theo



mẫu của VSD sẽ điều chỉnh việc bỏ phiếu điện tử tại Đại hội trực tuyến của Công ty Nước sạch Bắc Giang. Nếu có các nội dung không thống nhất giữa Quy chế này và Quy chế hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử theo mẫu của VSD, nội dung tại Quy chế hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử theo mẫu của VSD sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

19.1. Quy chế này gồm 4 chương, 19 điều và có hiệu lực vào ngày ký quyết định ban hành.

19.2. Cổ đông, tổ chức đại diện và các cá nhân, tổ chức tham gia Đại hội trực tuyến của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này./.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

CHỦ TỊCH HĐQT



Hương Xuân Công